

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT



**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ
MÔI TRƯỜNG TẠI KCN BÀU XÉO
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 63/QĐ-CPTN ngày 18/3/2025
của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thống Nhất)*

Trăng Bom, tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

STT	HẠNG MỤC NỘI DUNG	TRANG
I	Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường KCN	1
1.	Thông tin cơ bản	1
2.	Yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường phải tuân thủ	2
3.	Mô tả về hoạt động sản xuất- kinh doanh	3
3.1.	Mô tả các hoạt động sản xuất – kinh doanh của KCN Bàu Xéo	3
3.2.	Nguyên nhiên vật liệu và dòng thải phát sinh trong quá trình hoạt động	6
3.2.1	Định mức sử dụng	6
3.2.2	Thống kê chất thải	7
4.	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	7
4.1	Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải	7
4.1.1	Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải, thoát nước	8
4.1.2	Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải	11
4.2	Công trình, biện pháp xử lý khí thải	19
4.3	Công trình, biện pháp quản lý CTR & CTNH	19
4.3.1	Tình hình quản lý CTR của Công ty cổ phần Thống Nhất	19
4.3.2	Tình hình quản lý CTR tại các doanh nghiệp	20
4.4	Công trình, biện pháp xử lý, giảm thiểu tác động môi trường từ các nguồn thải khác	20
4.4.1	Đối với nước mưa chảy tràn	20
4.4.2	Đối với các tác động xấu do tiếng ồn, độ rung, bức xạ	20
5.	Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	21
5.1	Xác định nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động	21
5.2	Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	23
5.2.1	Các biện pháp phòng ngừa đối với từng nguy cơ.....	23
5.2.1.1	Các biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố của các trạm XLNT	23
5.2.1.2	Các biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố khác	29
5.2.1.3	Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	33
5.2.1.4	Phương tiện, trang thiết bị, nguồn lực phục vụ công tác ứng phó, khắc phục sự cố môi trường	33
5.2.1.5	Cơ chế phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường	33
5.2.1.6	Phương án khắc phục ô nhiễm sau khi xảy ra sự cố	34
6.	Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	35

6.1.	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	35
6.2	Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	35
6.3	Hoạt động quan trắc khác.....	35
6.4	Cơ sở tự quan trắc	36
7.	Tổ chức quản lý môi trường	36
II	Hồ sơ pháp lý	38
1	Giấy xác nhận phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất số 76/GCX-SCT ngày 27/12/20216 của Sở công thương tỉnh Đồng Nai	
2	Giấy phép môi trường số 509/GPMT-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ tài nguyên và môi trường	
3	Hợp đồng số 05/2025/HĐ-CPTN ngày 20/02/2025 (gói thầu bảo vệ khu vực nhà VP, trạm bơm tăng áp và trạm XLNT tập trung KCN)	
4	Hợp đồng số 06/2025/HĐ-CPTN ngày 20/02/2025 (gói thầu bảo vệ tuần tra KCN)	
5	Văn bản số 51/CPTN-ĐTKD ngày 18/3/2025 của C.ty cổ phần Thống Nhất về việc nội dung “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường”	
6	Quyết định số 62/QĐ-CPTN ngày 18/3/2025 của C.ty cổ phần Thống Nhất về việc thay đổi nhân sự tổ phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Trạm XLNT tập trung KCN	
7	Quyết định số 63/QĐ-CPTN ngày 18/3/2025 của C.ty cổ phần Thống Nhất về việc phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Trạm XLNT tập trung KCN	

1. Thông tin cơ bản

- Tên Khu công nghiệp: **Khu công nghiệp Bàu Xéo.**
- Địa chỉ: huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích: 499,7993 ha.
- Tỷ lệ lấp đầy: 99,84% diện tích đất đã cho thuê xây dựng nhà xưởng.
- Loại hình sản xuất chính:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Xây dựng các hạng mục công trình trong khu công nghiệp, khu dân cư. Dịch vụ tư vấn đầu tư và các dịch vụ kinh doanh khác phục vụ khách hàng đầu tư. Kinh doanh nước sạch. Xử lý nước thải.

- Các phân khu chức năng:

Tổng diện tích đất KCN Bàu Xéo là 499.7993 ha, gồm đất xây dựng nhà máy, đất khu kỹ thuật, đất kho tàng bến bãi, đất trung tâm – dịch vụ, đất giao thông, đất cây xanh. Diện tích đất KCN Bàu Xéo bị chia cắt bởi Quốc lộ 1A thành 2 phân khu, bao gồm:

- Phân khu 1 tọa lạc phía Bắc Quốc lộ 1A, diện tích 188,4168 ha;
- Phân khu 2 tọa lạc phía Nam Quốc lộ 1A, diện tích 311,3825 ha.

Tổng hợp về quy mô, phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất KCN Bàu Xéo được cụ thể trong bảng sau:

Stt	Hạng mục (đất)	Tổng cộng	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy	328,08	65,64
2	Đất khu kỹ thuật	17,77	3,56
3	Kho tàng bến bãi	8,36	1,67
4	Đất trung tâm – dịch vụ	17,43	3,42
5	Cây xanh	63,81	12,77
6	Đất giao thông	64,34	12,87
7	Cửa hàng xăng dầu	0	0,07
TỔNG CỘNG		499,79	100,00

Ngoài diện tích cây xanh do Công ty cổ phần Thống Nhất trồng (chiếm 12,77% diện tích KCN) thì trong mỗi nhà máy của doanh nghiệp sẽ dành một diện tích cho cây xanh ít nhất là 15%.

Công ty cổ phần Thống Nhất đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường như sau:

- Trạm xử lý nước thải tập trung: Trạm xử lý nước thải tập trung tọa lạc ở phía Bắc KCN (Phân khu Bàu Xéo 1), nơi có cao độ thấp nhất trong khu vực, thuận tiện cho việc thu gom, xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Bãi lưu giữ chất thải rắn tạm thời: KCN bố trí một khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp và nguy hại trong khu đất Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Cây xanh được bố trí như sau :

+ Cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và Quốc lộ 1A, khu dân cư.

- + Cây xanh công viên.
- + Cây xanh đường phố.
- Thông tin liên hệ của chủ đầu tư:
- + Tên chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bàu Xéo: Công ty cổ phần Thống Nhất.
- + Người đại diện: Ông Trần Trung Tuấn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- + Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- + Điện thoại: 0251.3924377 - 3924692 Fax: 0251.3924692
- + Email: info@bauxeo.com.vn

2. Yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường phải tuân thủ

- Quyết định số 2642/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bàu Xéo (bổ sung ngành nghề trong KCN);
- Giấy phép môi trường số 509/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Văn bản số 6930/BTNMT-KSONMT ngày 07/10/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH Pousung Việt Nam và Công ty TNHH Shing Mark Vina về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo số 31/TD-PCCC ngày 27/11/2008 do Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy tỉnh Đồng Nai cấp;
- Giấy xác nhận số 76/GXN-SCT ngày 27/12/2016 của Sở Công thương tỉnh Đồng Nai xác nhận Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Hợp đồng số 05/2025/HĐ-CPTN ngày 20/02/2025 được ký kết giữa Công ty cổ phần Thống Nhất và Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chuyên nghiệp Tín Nghĩa về dịch vụ bảo vệ mục tiêu KCN Bàu Xéo năm 2025 (khu vực Nhà văn phòng, Trạm bơm tăng áp và Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo), trong đó có hạng mục đảm bảo an toàn đối với các công trình nêu trên trong công tác phòng cháy, chữa cháy;

- Hợp đồng số 06/2025/HĐ-CPTN ngày 20/02/2025 được ký kết giữa Công ty cổ phần Thống Nhất và Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chuyên nghiệp Tín Nghĩa về dịch vụ bảo vệ tuần tra KCN Bàu Xéo năm 2025, trong đó cũng có hạng mục đảm bảo an toàn đối với các tài sản, vật tư, thiết bị hạ tầng trong KCN Bàu Xéo trong công tác phòng cháy, chữa cháy;

- Quyết định số 62/QĐ-CPTN ngày 18/3/2025 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thống Nhất về thành lập đội Phòng ngừa và Ứng phó sự cố hóa chất Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo.

3. Mô tả về hoạt động sản xuất- kinh doanh:

3.1. Mô tả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu công nghiệp Bàu Xéo

Theo số liệu thống kê tại KCN Bàu Xéo tính đến tháng 12/2024, KCN Bàu Xéo có **tổng số 47 dự án** (tính cả Công ty cổ phần Thống Nhất và Trạm Viễn thông), trong đó:

- 43 dự án hoạt động sản xuất bình thường (trong đó có 01 cửa hàng xăng dầu).
- 02 dự án đang triển khai gồm: Công ty TNHH Hợp Nhất, Công ty TNHH ô tô Bắc Quang.
- 02 dự án chưa triển khai gồm: Công ty cổ phần Green Star Vina và Công ty cổ phần Blue Star Vina.

- Số lượng cơ sở đầu nối nước thải về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất: **100%**

Danh sách các Doanh nghiệp tại KCN Bàu Xéo:

TT	TÊN CƠ SỞ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	TÌNH TRẠNG	GHI CHÚ
I	PHẦN KHU 1			
A	DỰ ÁN ĐANG HOẠT ĐỘNG			
1	Công ty cổ phần Thống Nhất (Nhà văn phòng, Trạm bơm tăng áp & Trạm xử lý nước thải tập trung, các hạng mục hạ tầng KCN)	Quản lý hạ tầng	Hoạt động	Giấy phép môi trường số 509/GPMT- BTNMT ngày 15/12/2024
2	Công ty TNHH Sanlim Furniture VN	Sản xuất gỗ xuất khẩu	Hoạt động	
3	Công ty TNHH Ooksan Vina	Máy công nghiệp, lò đốt công nghiệp	Hoạt động	
4	Công ty TNHH Nhựa Toyomy	Sản xuất các sản phẩm nhựa	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Ooksan
5	Công ty TNHH Chăn nuôi C.P VN- Chi nhánh NM 3 tại ĐN	Thức ăn Thủy sản	Hoạt động	
6	Công ty TNHH Chăn nuôi C.P	Vi sinh	Hoạt động	

	VN- Chi nhánh NM 5 tại ĐN			
7	Công ty TNHH Nông nghiệp E.H VN	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc	Hoạt động	
8	Công ty TNHH Woosung VN	Sản xuất thức ăn gia súc	Hoạt động	
9	Công ty TNHH Viet Hsiang	Trang trí nội thất (sắt, đồng, nhựa)	Hoạt động	
10	Công ty TNHH Kỹ nghệ Stand Dragon	Sản xuất cơ khí	Hoạt động	
11	Công ty TNHH An Thiên Lý	Giày dép, nguyên phụ liệu, cơ khí	Hoạt động	
12	Công ty TNHH Roy Motor Việt Nam Manufactory	Sản xuất các phụ tùng bằng kim loại dùng lắp ráp các sản phẩm linh kiện điện tử (cuộn cảm kháng, bộ chuyển, bộ chuyển mạch, bộ chuyển đổi)	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của An Thiên Lý
13	Công ty TNHH Chengguang Electrical Appliances Việt Nam	Sản xuất các phụ tùng bằng kim loại dùng lắp ráp các sản phẩm linh kiện điện tử (cuộn cảm kháng, bộ chuyển, bộ chuyển mạch, bộ chuyển đổi)	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của An Thiên Lý
14	Công ty TNHH Kỹ thuật Hong Tu Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa		Thuê nhà xưởng của An Thiên Lý
15	Công ty TNHH Juxin Việt Nam	Sản xuất, lắp ráp máy hút bụi cầm tay	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của An Thiên Lý
16	Công ty cổ phần Phát triển DN nhỏ và vừa Nhật Bản (JSC)	Cho thuê nhà xưởng	Hoạt động	
17	Nhà máy của Công ty TNHH Dsiptk Vina	Gia công dây dẫn điện ô tô	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của JSC
18	Công ty TNHH Buwon Vina	Sản xuất, gia công giày dép	Hoạt động	
19	Công ty TNHH Hyundai Tech	Sản xuất hạt nhựa các loại, tấm nhựa	Hoạt động	
20	Công ty Sao Việt	Giày và may mặc	Hoạt động	
21	Công ty TNHH Hansoll Vina	Giày và may mặc	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Sao Việt
22	Công ty TNHH Visual	SX gia công sản phẩm đèn chiếu sáng	Hoạt động	Thuê nhà xưởng

	Comfort Việt Nam	và các bộ phận của đèn chiếu sáng như nón chụp, thân, chân đế ...		của Sao Việt
23	Công ty TNHH MTV Kumbu	Cho thuê nhà xưởng.	Hoạt động	
24	Công ty TNHH Tín Mỹ Đồng Nai.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm, sản xuất giày dép, in ấn	Hoạt động	Thuê nhà xưởng Công ty Kumbu
25	Công ty TNHH Kỹ thuật vật liệu mới Xingxun Việt Nam	Sản xuất phụ kiện cho giày	Hoạt động	Thuê nhà xưởng Công ty Kumbu
26	Công ty TNHH Khuôn chính xác Hua Chuang	Đúc sắt thép (SX gia công khuôn, linh kiện khuôn), SX sản phẩm từ plastic	Hoạt động	Thuê nhà xưởng Công ty Kumbu
27	Công ty TNHH Neweco Filter Việt Nam	Sản xuất gia công phụ kiện bằng nhựa dùng cho tấm lọc, màng lọc của máy hút bụi. SX gia công tấm lọc, màng lọc từ nhựa. Bộ lọc bằng nhựa của máy hút bụi. Khuôn kim loại (không xima)	Hoạt động	Thuê nhà xưởng Công ty Kumbu
28	Viễn thông Đồng Nai	Đầu tư hạ tầng viễn thông	Hoạt động	Không phát sinh nước thải
29	Công ty TNHH Dệt sợi Zara	Sản xuất sợi và các sản phẩm dệt may	Hoạt động	
30	Công ty TNHH Đầu tư Homerich	Sản xuất phụ kiện cho giày	Hoạt động	
31	Công ty TNHH Đinh Vàng Tây Ninh	Sợi vải	Hoạt động	Thuê nhà xưởng Homerich
32	Công ty cổ phần Tập đoàn Pelio	Kinh doanh xăng, dầu	Hoạt động	
33	Công ty TNHH Juven Furniture	Sản xuất hàng dệt sẵn (tấm phủ, ga trải giường, màn, gối, chăn, thảm, đệm các loại)	Hoạt động	
34	Công ty TNHH Juxin Việt Nam	Sản xuất, lắp ráp máy hút bụi cầm tay	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Juven

				Furniture
35	Công ty TNHH Huachi Việt Nam	Sản xuất bóng đèn thủy tinh	Hoạt động	
36	Công ty TNHH Bao bì và in ấn Honda Đồng Nai	Sản xuất thùng carton, bao bì.	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Hua Chi
37	Công ty cổ phần Thực phẩm Bình Tây	Chế biến bột Bắp, bột mì	Hoạt động	
B DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI				
38	Công ty TNHH ô tô Bắc Quang	Bảo trì, bảo dưỡng, kinh doanh ô tô	Đang triển khai.	
39	Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ xây dựng Hợp Nhất	Dịch vụ bảo dưỡng ô tô, xe có động cơ; văn phòng cho thuê, siêu thị	Đang triển khai	
C DỰ ÁN CHƯA XÂY DỰNG				
40	Công ty cổ phần Green Star Vina	Sản xuất đế giày và phụ kiện giày	Chưa triển khai	
41	Công ty cổ phần Blue Star Vina	Nhà xưởng cho thuê	Chưa triển khai	
II TẠI PHÂN KHU 2				
DỰ ÁN ĐANG HOẠT ĐỘNG				
42	Công ty TNHH Shing Mark Vina	Sản xuất hàng gỗ xuất khẩu	Hoạt động	
43	Công ty TNHH Gỗ Peng Run	Sản xuất hàng gỗ xuất khẩu	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Shing Mark
44	Công ty TNHH Pou Sung Việt Nam	Sản xuất giày thể thao	Hoạt động	
45	Công ty TNHH Starite Internation VN	Sản xuất các loại túi xách, cặp, ba lô	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Pousung
46	Công ty TNHH Dah Sheng Việt Nam	Sản xuất chi tiết, phụ kiện giày (miếng lót giày, đệm giày, các sản phẩm ép của giày,)	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Pousung
47	Công ty TNHH Pou Phong Việt Nam	Sản xuất đế giày	Hoạt động	Thuê nhà xưởng của Pousung

3.2. Nguyên nhiên vật liệu và dòng thải phát sinh trong quá trình hoạt động

3.2.1. Định mức sử dụng

Định mức sử dụng cho công tác xử lý nước thải tại Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo như sau (số liệu của năm 2023):

Stt	Tên hoá chất	Định mức	Mục đích sử dụng
1	Xút	4,36 (g/m ³)	Điều chỉnh pH nước thải.
2	Phèn	2,17 (g/m ³)	Keo tụ, tạo bông
3	Javel	43,6 (ml/m ³)	Khử trùng nước thải
4	Polymer	2,17 (g/m ³)	Keo tụ bùn thải (phụ thuộc vào nồng độ ô nhiễm TSS nước thải đầu vào)
5	Điện năng	0,55 (kW/m ³)	Vận hành

3.2.2. Thống kê chất thải

Công đoạn	Chất thải	Lưu lượng/ Khối lượng	Thải lượng
Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Thống Nhất (Theo số liệu BCGSMT KCN Bàu Xéo năm 2024)			
Xử lý nước thải	Nước thải (m ³ / năm), theo Tờ khai nộp phí BVMT đối với nước thải năm 2024	382.520	
	Bùn thải phát sinh từ Hệ thống XLNT tập trung (tấn/ năm), theo Báo cáo giám sát môi trường năm 2024	0	Chưa ép bùn.
Hoạt động sinh hoạt của các CBCNV và kinh doanh của đơn vị	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/ năm), theo các Biên bản giao, nhận chất thải năm 2024	145,28	
	Chất thải nguy hại (kg/ năm), theo Báo cáo giám sát môi trường năm 2024	148	
Chất thải rắn phát sinh từ các doanh nghiệp đầu tư trong KCN			
Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị	Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại (tấn/năm), theo Báo cáo giám sát môi trường năm 2024	10.883,264	
	Chất thải nguy hại (tấn/năm), theo Báo cáo giám sát môi trường năm 2024	1.047,052	

4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Công trình, biện pháp thu gom (nước mưa, nước thải), xử lý nước thải

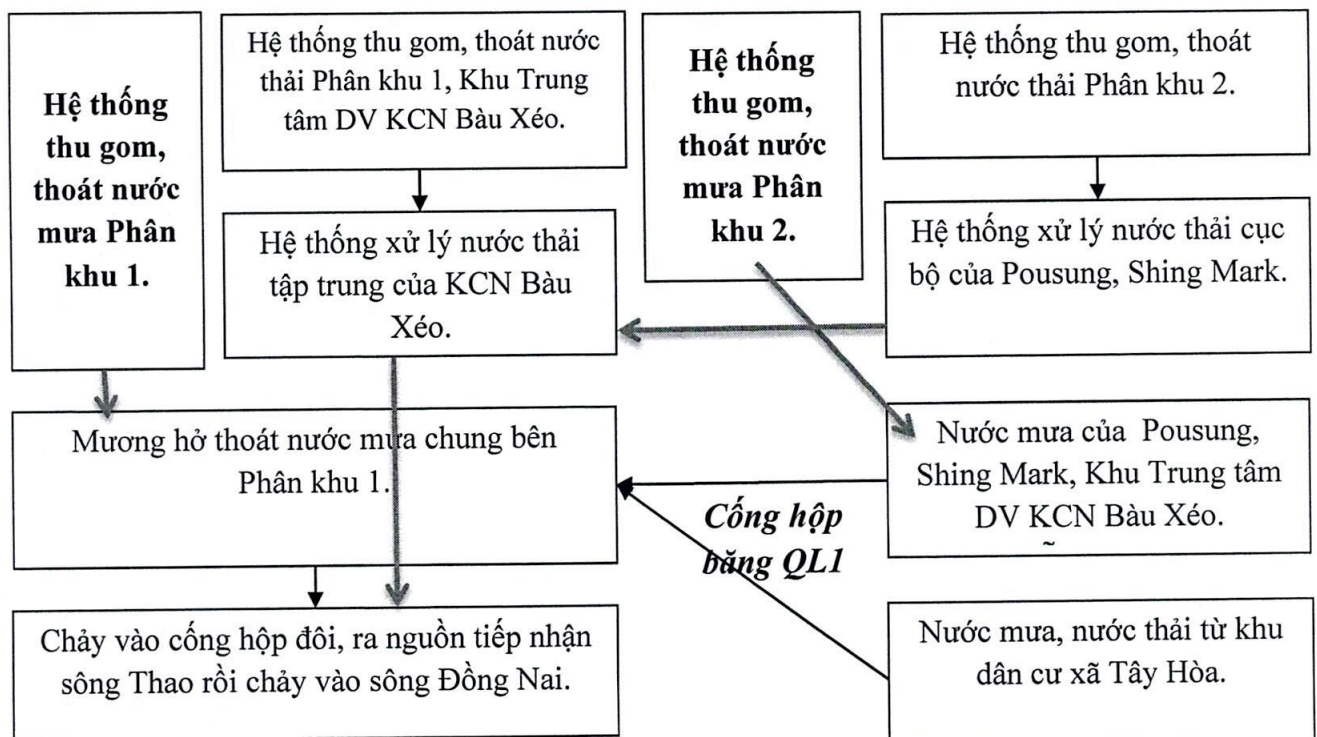
Nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, sản xuất của tất cả các doanh nghiệp trong KCN Bàu Xéo được kiểm soát, thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất để xử lý triệt để đạt QVCN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số K_q=0,9; K_f=1,0 trước khi thải ra môi trường.

Ngoài Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo có công suất 4.000 m³/ngày-đêm (bao gồm 02 Module, mỗi modul công suất: 2.000 m³/ngày-đêm) của Công ty cổ phần Thống Nhất tiếp nhận tất cả nước thải của các doanh nghiệp trong KCN, KCN Bàu

Xéo còn có các trạm xử lý nước thải thứ cấp có công suất > 500 m³/ngày-đêm gồm: Trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH Shing Mark Vina có công suất 700 m³/ngày-đêm và 03 Trạm xử lý (2.500- 1.200- 1.000) của Công ty TNHH Pousung Việt Nam có công suất tổng 4.700 m³/ngày-đêm.

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải của KCN được xây dựng hoàn chỉnh và tách riêng biệt. Ngoài ra, KCN Bàu Xéo còn tiếp nhận nước thải, nước mưa từ Dự án Khu Trung tâm dịch vụ phục vụ KCN Bàu Xéo có diện tích là: 38,5398 ha.

4.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải của toàn KCN Bàu Xéo, Khu Trung tâm DV KCN Bàu Xéo, một phần Khu dân cư xã Tây Hòa



KCN Bàu Xéo tọa lạc hai bên Quốc lộ 1A (gồm 02 Phân khu), mạng lưới thu gom, thoát nước của KCN Bàu Xéo được vận hành cụ thể như sau: nước mưa tại Phân khu 1 và Phân khu 2 được nhập chung trên đoạn mương hở đường 5A tại Phân khu 1, thoát vào cống hộp đôi (ngoài ranh đất KCN Bàu Xéo) rồi dẫn ra sông Thao, chảy vào sông Đồng Nai. Nước thải của Phân khu 1 và Phân khu 2 được dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo (tại Phân khu 1) của Công ty cổ phần Thống Nhất, xử lý đạt tiêu chuẩn rồi cũng thoát vào cống hộp đôi (cùng với nước mưa) rồi dẫn ra nguồn tiếp nhận sông Thao, chảy vào sông Đồng Nai.

Ngoài ra, hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải của KCN Bàu Xéo còn tiếp nhận, vận hành luôn cả lượng nước mưa, xử lý lượng nước thải phát sinh từ dự án Khu Trung tâm DV KCN Bàu Xéo, cụ thể: nước mưa của Khu Trung tâm DV KCN Bàu Xéo được dẫn theo cống dọc Quốc lộ 1A bên Phân khu 2 (trước khu đất của Pousung và Shing Mark), băng ngầm Quốc lộ 1A vào mương hở đường 5A bên Phân khu 1, thoát vào cống hộp đôi rồi chảy ra sông Thao; nước thải phát sinh của Khu Trung tâm DV KCN Bàu Xéo

được nhập chung với nước thải của Pousung và Shing Mark rồi dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất tại Phân khu 1, xử lý đạt tiêu chuẩn rồi cũng thoát vào cống hộp đôi (cùng nước mưa) rồi dẫn ra nguồn tiếp nhận sông Thao, chảy vào sông Đồng Nai.

Bên cạnh đó, hệ thống thoát nước KCN Bàu Xéo cũng góp phần thoát nước (mưa, nước thải) phát sinh từ một phần diện tích Khu dân cư xã Tây Hòa (khoảng 50 ha).

Thống kê mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Phân khu 1

Stt	Hạng mục	Thống kê
1	Cống thoát nước thải BTCT	Tổng cộng: 8.743 m - D300: 6.931 m - D400: 1.336 m - D600: 476 m
2	Hố ga nước thải	Số lượng: 280 Kích thước: 1,2m × 1,2m
3	Trạm xử lý nước thải tập trung	1 HTXL công suất 4.000 m ³ /ngày đêm
4	Cống BTCT D600 dẫn nước thải sau xử lý ra cống hộp đôi thoát nước chung của KCN	Cống BTCT D600, dài 495 m.

❖ Một số hình ảnh mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải ở Phân khu 1:



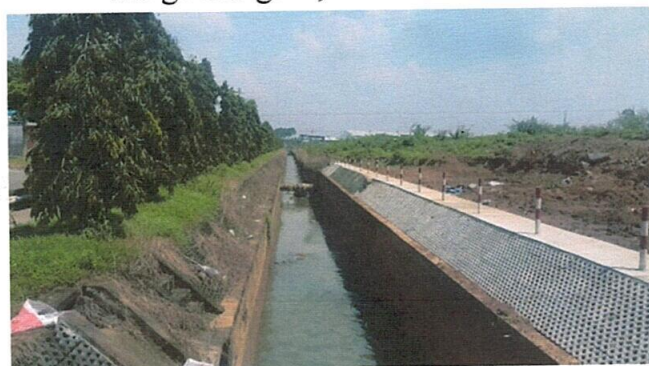
Hố ga thu gom, thoát nước mưa



Hố ga thu gom, thoát nước thải



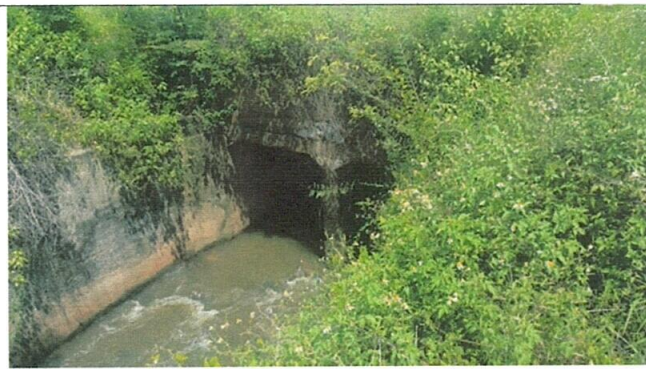
Mương hở dọc đường số 2A



Mương hở dọc đường số 5A



Cống xả nước mưa + nước thải từ Khu dân cư xã Tây Hòa vào mương hồ của KCN



Cống hợp dẫn nước của KCN tới cửa xả ra nguồn tiếp nhận sông Thao

Thống kê mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Phân khu 2

Stt	Hạng mục	Thống kê
1	Cống thoát nước thải BTCT	Tổng cộng: 11.809 m - D300: 6.535 m - D400: 4.774m - D600: 500 m
2	Hố ga nước thải	Số lượng: 238 Kích thước: 1,2m × 1,2m

❖ Một số hình ảnh mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải ở Phân khu 2:



Hố ga thu gom, thoát nước mưa



Hố ga thu gom, thoát nước thải

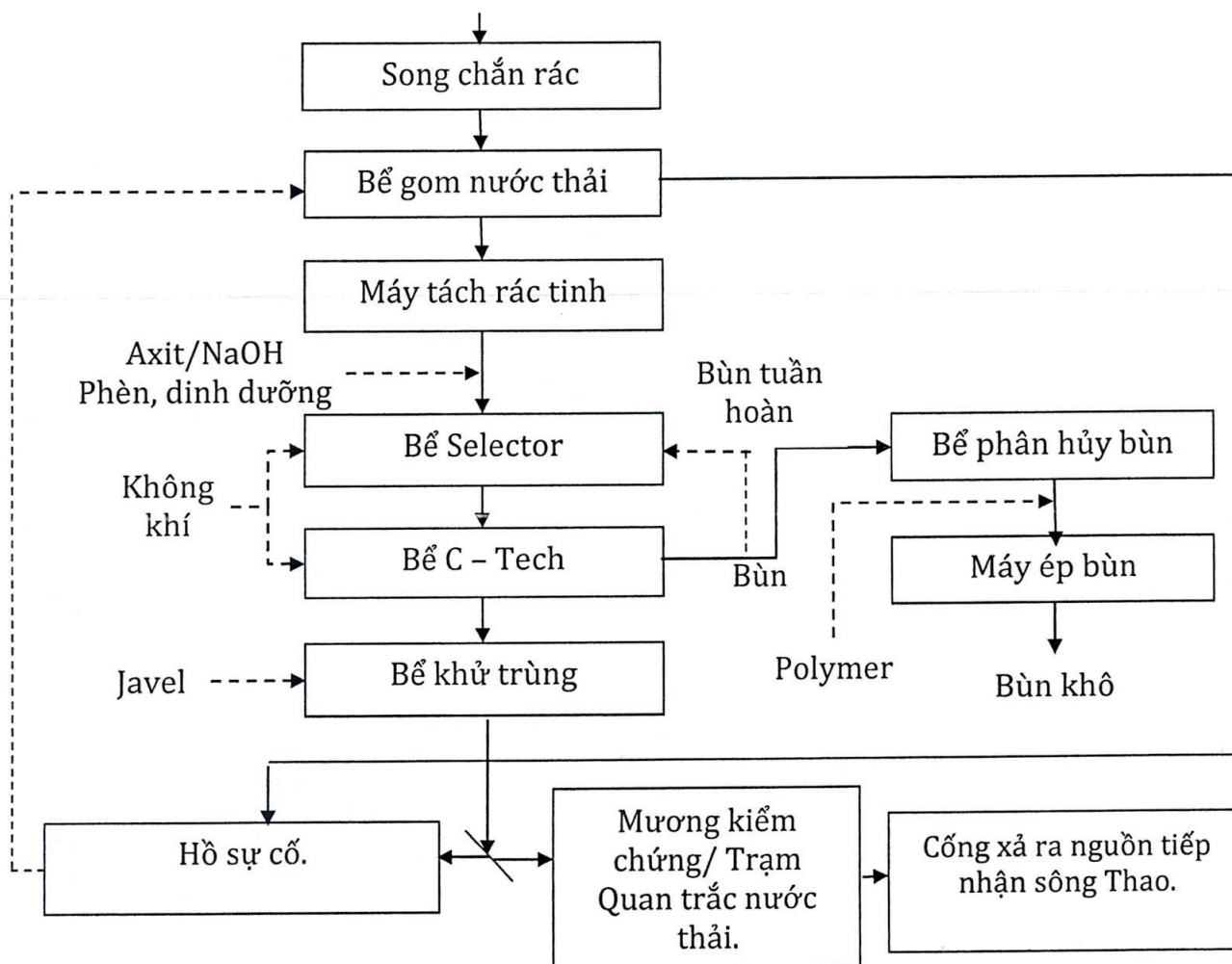


Cống xả nước mưa + nước thải từ Khu dân cư xã Tây Hòa vào mương hồ của KCN Cổng hộp bằng Quốc lộ 1A của Pousung (trái) và Shing Mark (phải)

4.1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

Sơ đồ quy trình công nghệ HTXLNT tập trung công suất 4.000 m³/ngày-đêm của Công ty cổ phần Thống Nhất:

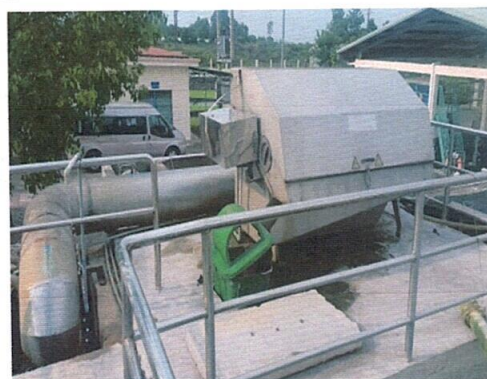
Nước thải từ KCN Bàu Xéo, Khu Trung tâm
DV dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung,
Công suất 4.000 m³/ngày.



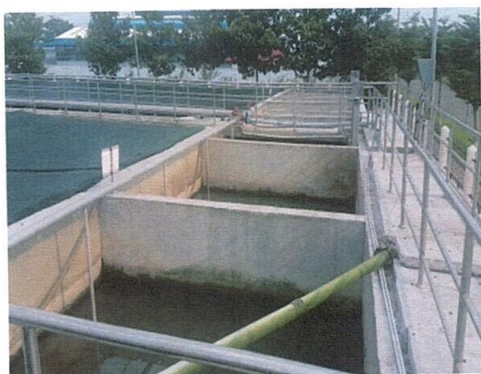
Một số hình ảnh của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất tọa lạc tại Phân khu 1:



Bể gom nước thải



Máy tách rác tinh



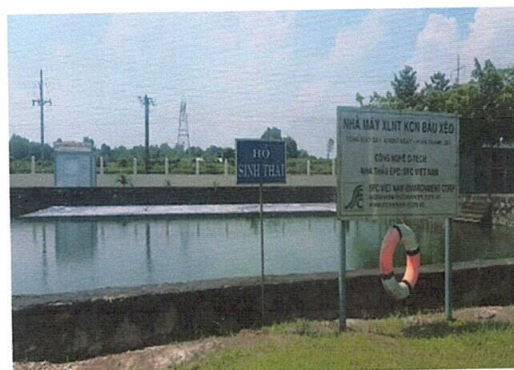
Bể Selector



Bể C – TECH



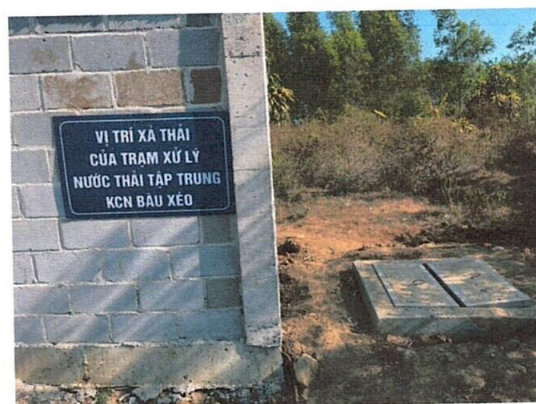
Bể khử trùng + Bể phân hủy bùn



Hồ sự cố

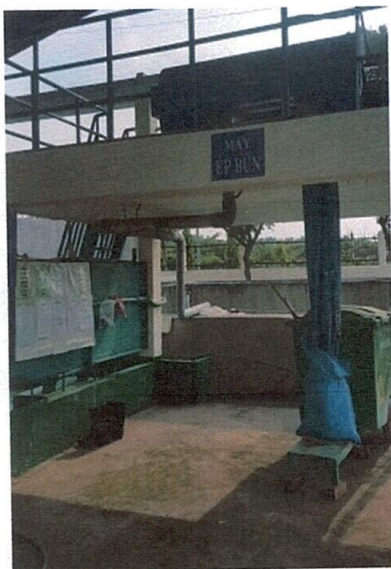


Nhà pha trộn hóa chất

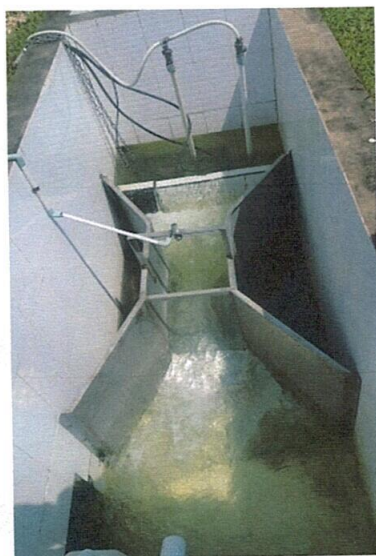


Vị trí xả nước thải sau xử lý ra công hợp đôi

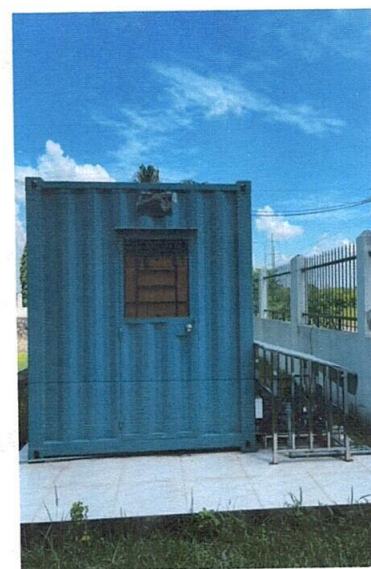
thoát vào nguồn tiếp nhận sông Thao.



Máy ép bùn



Mương đo lưu lượng (mương kiểm chứng)



Trạm quan trắc tự động

Thông số kỹ thuật công trình HTXLNT tập trung

Stt	Tên công trình	Số lượng	Kích thước (m) (Dài × Rộng × Cao)	Thể tích (m ³)	Kết cấu
1	Bể gom	1	9,5 × 8,7 × 8	661,2	BTCT
2	Bể Selector	2	11,2 × 3,7 × 5,5	227,92	BTCT
3	Bể C – TECH	2	11,2 × 23,7 × 5,5	1.459,92	BTCT
4	Bể khử trùng	1	8,6 × 7,4 × 2,5	159,1	BTCT
5	Bể phân hủy bùn	1	8,4 × 7,2 × 3,5	211,68	BTCT
6	Mương kiểm chứng	1	Rộng 1,175, cao 1,8		BTCT
7	Hồ sự cố		Diện tích 964 m ² , Sâu 3,9 m	3.760	BTCT

Danh sách thiết bị của HTXLNT tập trung

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Hãng/Xuất xứ	Số lượng
A	THIẾT BỊ XỬ LÝ			
I	THIẾT BỊ XỬ LÝ CHÍNH			
1	Bơm nước thải bể gom	Bơm chìm, động cơ 5,5 kW, 3 pha, 380/400/415V, 50Hz, lưu lượng 120 m ³ , cột áp 12 m nước.	Shinmaywa – Nhật	3 cái

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Hãng/Xuất xứ	Số lượng
2	Bơm bùn hồi lưu	Bơm chìm, động cơ 2,2 kW, 3 pha, 380/400/415V, 50Hz, lưu lượng 65 m ³ , cột áp 4 m nước.	Shinmaywa – Nhật	2 cái
3	Bơm bùn thải	Bơm chìm, động cơ 1,5 kW, 3 pha, 380/400/415V, 50Hz, lưu lượng 26 m ³ , cột áp 4 m nước.	Shinmaywa – Nhật	2 cái
4	Bơm bùn cho máy tách bùn	Bơm kiểu trục vít, chuyên dùng cho bơm bùn, chất lỏng đặc sệt, lưu lượng 1 – 8 m ³ /h.	Moyno – Mỹ	1 cái
5	Hệ thống phân phối khí bể Selector	Hệ thống phân phối khí kiểu MaxAir, dạng ống, loại bọt khí khô. Các thiết bị đỡ bằng thép không gỉ.	EDI – Mỹ	2 hệ thống
6	Hệ thống phân phối khí bể C – Tech	Hệ thống phân phối khí kiểu FlexAir sử dụng màng mỏng EPDM, dạng ống, loại bọt mịn, hiệu suất cao. Các thiết bị đỡ bằng thép không gỉ.	EDI – Mỹ	2 hệ thống
7	Hệ thống phân phối khí bể phân hủy và làm đặc bùn	Hệ thống phân phối khí kiểu FlexAir sử dụng màng mỏng EPDM, dạng ống, loại bọt mịn, hiệu suất cao. Các thiết bị đỡ bằng thép không gỉ.	EDI – Mỹ	1 hệ thống
8	Van cho hệ thống đường ống công nghệ	Lắp đặt theo thiết kế. Vật liệu: van thân gang, cánh inox.	DHC – Hàn Quốc	1 lô
9	Máy thổi khí	Lưu lượng: 25,7 m ³ /phút. Công suất 39 KW, 3 pha, 380V, 50Hz. Áp suất làm việc 6 kPa. Trộn bộ có giảm thanh, van Blow off.	Anlet - Nhật	3 máy
10	Máy tách bùn ly tâm	Công suất 4,5 m ³ /h, bùn ra đạt độ khô 15 – 22%. Động cơ 1,5 kW	Intereco – Italia	1 máy
11	Bơm định lượng hóa chất	Bơm màng, chống hóa chất ăn mòn, lưu lượng 120 – 260 l/h. Ứng với mỗi loại hóa chất chọn lưu lượng thích hợp.	Seko – Italia	5 cái

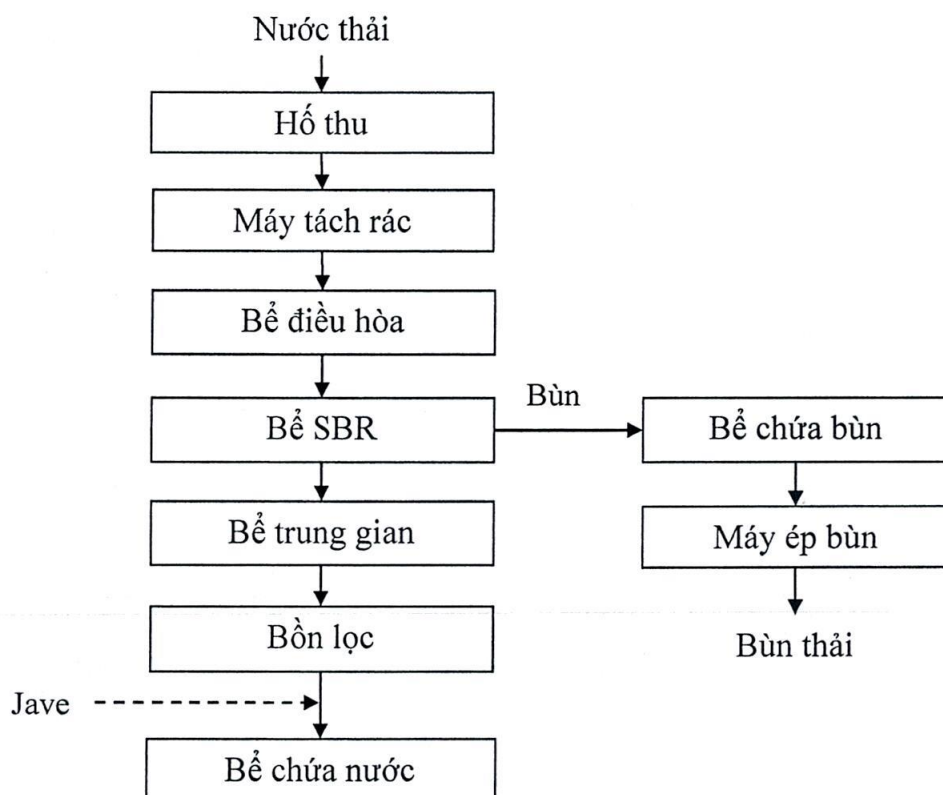
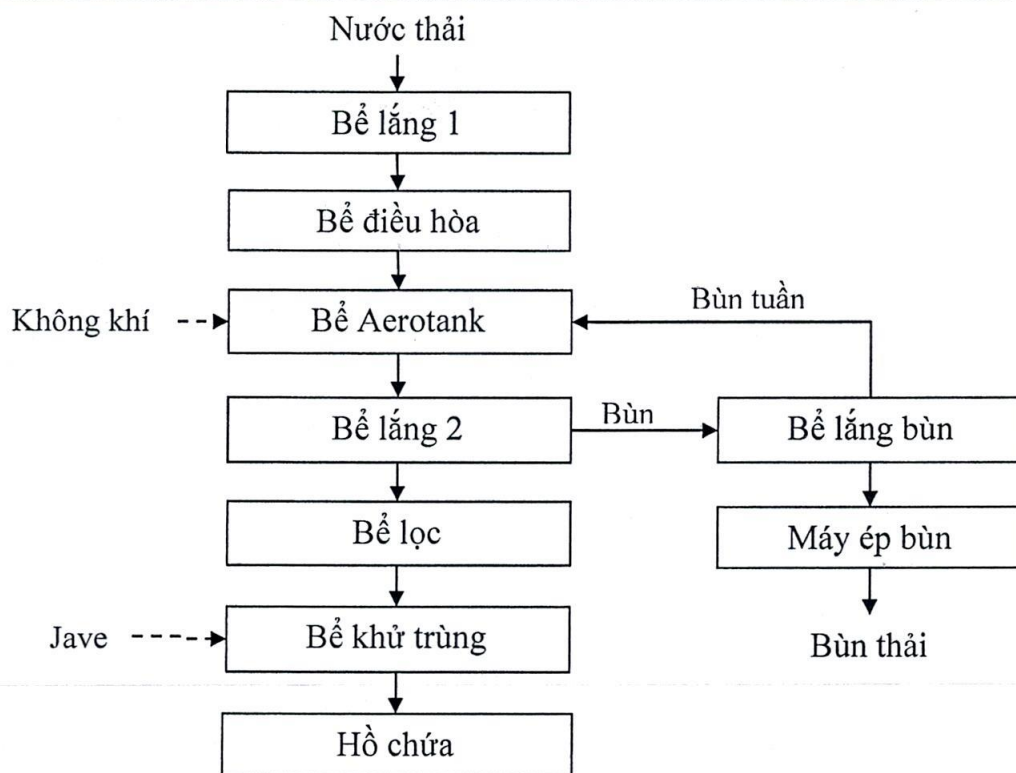
Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Hãng/Xuất xứ	Số lượng
12	Máy tách rác tinh	Loại trống quay. Vật liệu inox. Cơ chế tách rác tự động, có thể tách được những vật thể lớn hơn 2 mm trong nước thải. Công suất: 220 m ³ /h.	Passavant Noggerath – Đức	1 máy
II THIẾT BỊ XỬ LÝ PHỤ, THIẾT BỊ SẢN XUẤT CƠ KHÍ				
13	Decantor	Vật liệu: inox. Chế tạo theo thiết kế. Công suất 350 m ³ /h.	Áo	2 thiết bị
14	Song chắn rác	Vật liệu: inox. Rộng 1,2m. Cao 1,5m. Khe hở 10 mm.	Việt Nam	2 cái
15	Thiết bị pha trộn và chứa hóa chất	Thể tích 1 m ³ , vật liệu nhựa. Bao gồm cả động cơ khuấy	Việt Nam	5 bộ
16	Hệ thống đường ống dẫn khí chính	Lắp đặt theo thiết kế. Vật liệu: inox SUS304	Việt Nam	1 hệ thống
17	Hệ thống đường ống dẫn khí phân ngập nước	Lắp đặt theo thiết kế. Vật liệu: nhựa PVC	Việt Nam	1 hệ thống
18	Hệ thống đường ống công nghệ dẫn nước, bùn, hóa chất	Lắp đặt theo thiết kế. Vật liệu: inox/PVC/HDPE	Việt Nam	1 hệ thống
19	Giá đỡ đường ống công nghệ	Lắp đặt theo thiết kế. Vật liệu: inox SUS304	Việt Nam	1 hệ thống
20	Xe gom bùn khô	Vật liệu thép.	Việt Nam	1 xe
21	Vỏ tủ và panel điều khiển	Chế tạo theo thiết kế. Vật liệu thép, sơn tĩnh điện.	Việt Nam	1 lô
22	Vỏ tủ điện đồng lực	Chế tạo theo thiết kế.	Việt Nam	1 lô
23	Thiết bị khuấy trộn tĩnh	Lắp đặt theo thiết kế. Vật liệu: inox.	Việt Nam	1 thiết bị
24	Máng cáp	Vật liệu thép, sơn tĩnh điện.	Việt Nam	1 lô
25	Hệ thống cứu hỏa	Theo tiêu chuẩn PCCC, gồm 20 bình và 5 tiêu lệnh.	Zhonglian - Trung Quốc	1 lô
B	THIẾT BỊ ĐIỆN – ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG			
I	THIẾT BỊ ĐIỆN – ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG CHÍNH			

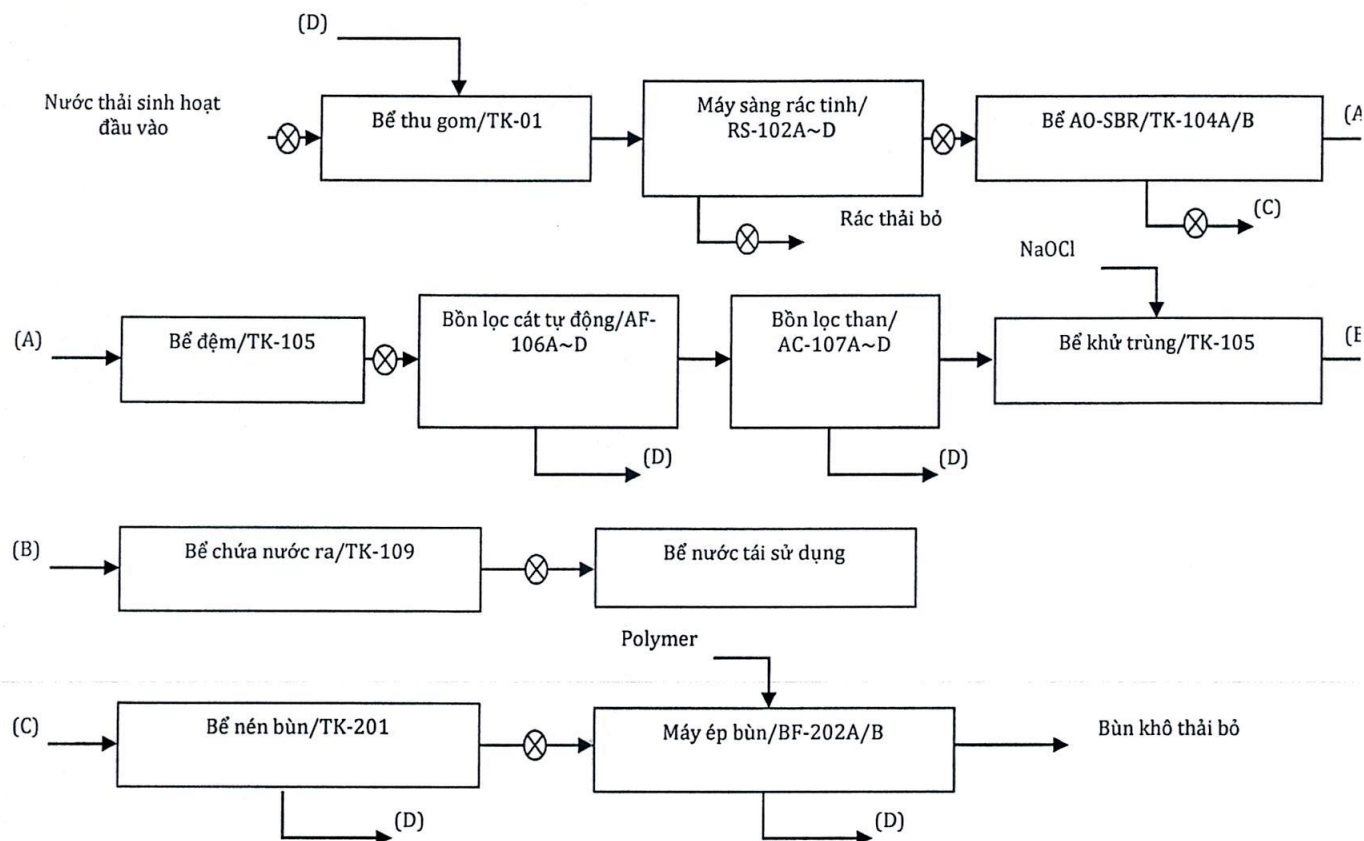
Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Hãng/Xuất xứ	Số lượng
26	Van điều khiển	Điều khiển tự động ON/OFF	DHC + HKC – Hàn Quốc	6 cái
27	Biến tần cho máy thổi khí	Điều khiển công suất cho máy thổi khí	Siemens – Đức	2 cái
28	Thiết bị đo mức bể gom	Đo theo phương pháp áp suất, đo được nhiều mức.	Wika – Đức	1 thiết bị
29	Thiết bị đo mức bể C – Tech	Đo theo phương pháp áp suất, đo được nhiều mức.	Wika – Đức	2 thiết bị
30	Thiết bị đo pH sử dụng trong công nghiệp	Độ chính xác 0,01 pH.	Endress & Hauser – Đức	1 thiết bị
31	Thiết bị đo DO sử dụng trong công nghiệp	Giải đo 0 – 16 mg/l.	Endress & Hauser – Đức	1 thiết bị
32	Hệ thống điều khiển PLC	Chẩn đoán và bảo vệ hệ thống.	Allen Bradley Rockwell – Mỹ	1 lô
33	Phần mềm điều khiển SCADA – RSVIEW32	Cấp trọn gói.	Allen Bradley Rockwell – Mỹ	1 lô
34	Invectơ điều khiển bơm định lượng	Công suất 0,75 kW.	Siemens – Đức	1 thiết bị
II	THIẾT BỊ ĐIỆN – ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG PHỤ			
35	Vật tư cho tủ và panel điều khiển	Bao gồm các thiết bị phụ.	Nhiều hãng sản xuất	1 lô
36	Vật tư cho hệ thống tủ đông lực	Bao gồm các thiết bị phụ.	Nhiều hãng sản xuất	1 lô
37	Cáp điện và điều khiển toàn hệ thống	Bao gồm các thiết bị phụ.	Nhiều hãng sản xuất	1 lô

❖ **Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Công ty Pousung:**

Công ty TNHH Pousung Việt Nam có 03 hệ thống xử lý nước thải với tổng công suất 4.700 m³/ngày-đêm: 01 hệ thống công suất 1.200 m³/ngày-đêm, 01 hệ thống công suất 2.500 m³/ngày-đêm và 01 hệ thống công suất 1.000 ngày-đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau:

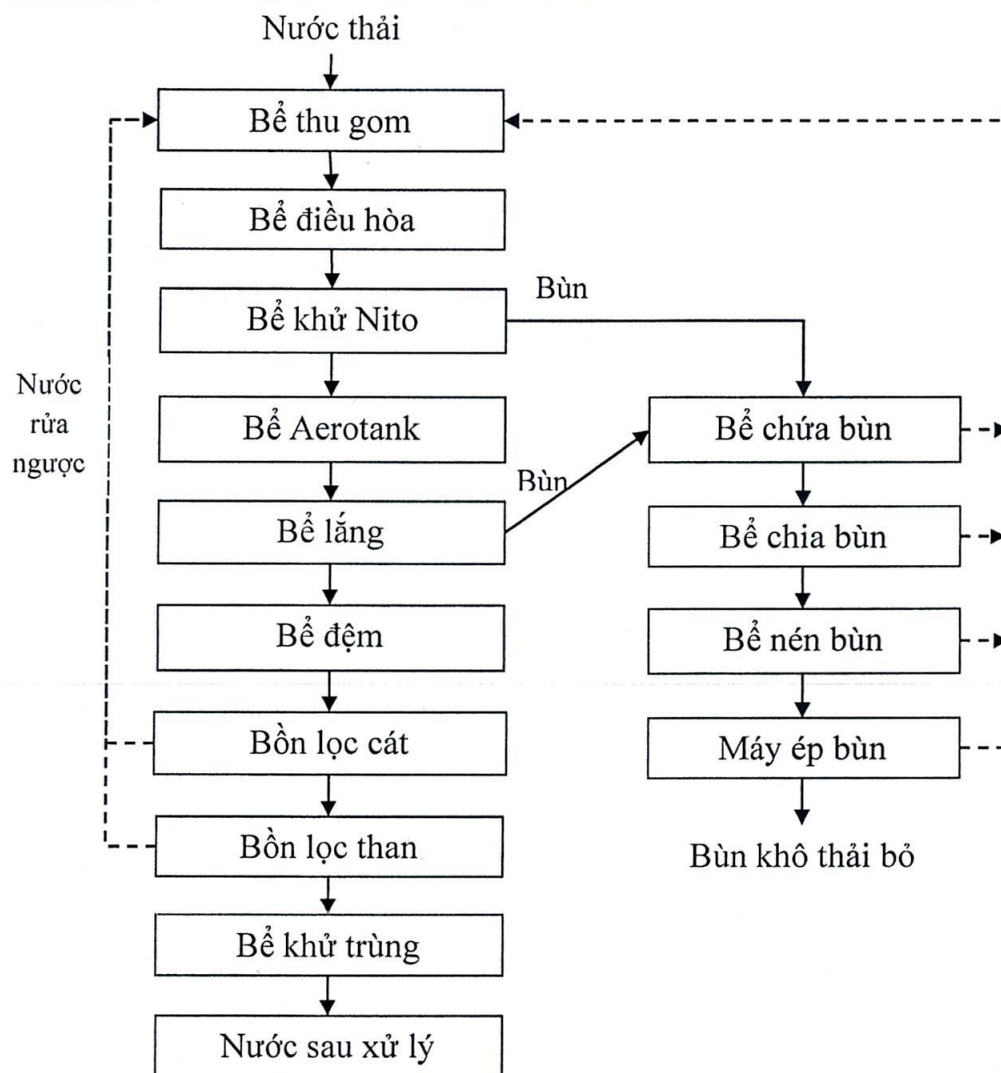
Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày-đêm:





Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Công ty Shing Mark:

Công ty TNHH Shing Mark Vina có 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 700 m³/ngày-đêm với sơ đồ công nghệ xử lý như sau:



4.2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải

Số doanh nghiệp phát sinh khí thải do quá trình đốt nhiên liệu là 13/39 doanh nghiệp đang hoạt động. Các doanh nghiệp đều có hệ thống xử lý bụi và khí thải ra môi trường qua ống khói thải cao 10m đến 15m hoặc bằng phương pháp khác.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

Chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN và Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo gồm: chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và nguy hại.

4.3.1. Tình hình quản lý chất thải rắn của Công ty cổ phần Thống Nhất

Công ty đã tiến hành phân loại, dán nhãn và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Công ty ký hợp đồng và chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty TNHH TM Tài Tiến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

- Đối với chất thải sinh hoạt: Công ty ký hợp đồng thu gom với Công ty cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch (HTX Bình An được Công ty cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch thuê vận chuyển) vận chuyển về nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH TM Tài Tiến để xử lý theo quy định.

4.3.2. Tình hình quản lý chất thải rắn tại các doanh nghiệp trong KCN Bàu Xéo

Đối với chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, các doanh nghiệp trong KCN tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom xử lý, như: Công ty TNHH SX – TM – DV Môi trường Việt Xanh, Công ty TNHH CNMT Bình Phước Xanh, Công ty TNHH MTV TM MT Thiên Phước, Công ty TNHH Tân Phát Tài,..

4.4. Công trình, biện pháp xử lý, giảm thiểu tác động môi trường từ các nguồn thải khác

4.4.1. Đối với nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hố ga (trên miệng các hố ga đều có lưới chắn rác), lắng lọc rồi theo đường thoát riêng và được xả trực tiếp vào môi trường.

(Nước mưa chảy tràn → Hố ga → Lắng lọc → Môi trường).

- Công ty cổ phần Thống Nhất đã xây dựng tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải nhằm đảm bảo thu gom triệt để nước mưa chảy tràn trên khu vực KCN và không lẫn vào hệ thống thoát nước thải KCN.

- Định kỳ thực hiện nạo vét các hố ga thoát nước mưa của KCN.

Đối với nước mưa chảy tràn trong khuôn viên các doanh nghiệp trong KCN:

- Nước mưa của các doanh nghiệp sẽ được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa của từng doanh nghiệp, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN.

- Các doanh nghiệp thực hiện định kỳ nạo vét các hố ga thoát nước mưa trong khu vực của từng doanh nghiệp.

4.4.2. Đối với các tác động xấu do tiếng ồn, độ rung, bức xạ

Tiếng ồn, độ rung trong KCN Bàu Xéo phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

- Hoạt động sản xuất từ các nhà máy sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất, dệt may,...

- Hoạt động xây dựng: trong các quá trình vận chuyển và thi công.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển hàng hóa ra, vào KCN.

** Các biện pháp đảm bảo môi trường vi khí hậu*

Vấn đề khống chế ô nhiễm nhiệt bao gồm việc kiểm soát quá trình phát tán nhiệt trong các phân xưởng sản xuất và bảo đảm các điều kiện vi khí hậu thuận lợi trong môi trường làm việc của người lao động. Các doanh nghiệp trong KCN áp dụng các biện pháp khống chế chủ yếu như sau:

- Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, các cửa mái để thông gió tự nhiên, bố trí hướng nhà hợp lý nhằm sử dụng tối đa khả năng thông gió tự nhiên.

- Áp dụng các biện pháp thông gió cưỡng bức trong hệ thống nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt, chụp thoát gió tự nhiên hay cơ khí để thoát nhiệt, xây dựng các hệ thống thông gió làm mát phục vụ cho người lao động ở những khu vực có nhiệt độ cao, mật độ nhân lực cao và có nhiều khí độc.

- Trang bị hệ thống điều hòa, làm mát không khí trong các phân xưởng sản xuất, khi có nhu cầu cần thiết.

- Tăng cường trồng cây xanh trên các khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí.

*** Các biện pháp khống chế ồn, rung**

Các doanh nghiệp trong KCN áp dụng các biện pháp khống chế chủ yếu như sau:

- Phân lập các khu vực gây ồn bằng các phương pháp cách ly, cách âm, không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị.

- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung mặt nền.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

5. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Xác định nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động

Căn cứ tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN, những nguy cơ có thể xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của KCN có thể được dự báo thành các nhóm được trình bày trong bảng sau:

Stt	Nhóm sự cố môi trường có thể xảy ra	Nguy cơ xảy ra	Phạm vi ảnh hưởng	Các tác động xấu có thể xảy ra
I	Sự cố môi trường xảy ra trong khuôn viên của các doanh nghiệp			
1.	Sự cố cháy nổ.	Tùy thuộc vào từng doanh nghiệp.	Khuôn viên nhà máy và các nhà máy lân cận.	Thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.
2.	Sự cố rò rỉ nguyên, nhiên liệu, hóa chất.	Tùy thuộc vào từng doanh nghiệp.	Khuôn viên nhà máy và các nhà máy lân cận.	Thiệt hại về người, tài sản và môi trường.
3.	Sự cố liên quan đến quá trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường.			
3.1	Sự cố liên quan đến hệ thống thoát nước mưa, nước thải.	Tùy thuộc vào từng doanh nghiệp.	Khuôn viên nhà máy, các nhà máy lân cận, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, môi trường xung quanh.	Ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, ô nhiễm môi trường xung quanh.
3.2	Sự cố hoặc xả thải khí thải vượt quy chuẩn cho phép.	Tùy thuộc vào từng doanh nghiệp.	Khuôn viên nhà máy, các nhà máy lân cận, KDC lân cận.	Ô nhiễm môi trường không khí xung quanh.
3.3	Sự cố hoặc xả nước	Tùy thuộc	Khuôn viên nhà	Ảnh hưởng đến hệ

Stt	Nhóm sự cố môi trường có thể xảy ra	Nguy cơ xảy ra	Phạm vi ảnh hưởng	Các tác động xấu có thể xảy ra
	thải vượt giới hạn tiếp nhận của KCN.	vào từng doanh nghiệp.	máy, các nhà máy lân cận, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.	thống xử lý nước thải tập trung của KCN hoặc ô nhiễm môi trường xung quanh.
3.4	Sự cố liên quan đến kho lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại.	Tùy thuộc vào từng doanh nghiệp.	Khuôn viên nhà máy, các nhà máy lân cận.	Ô nhiễm môi trường.
II	Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi địa giới của KCN			
1.	Sự cố tai nạn giao thông đối với các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu, hóa chất và chất thải.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Tuyến đường nội bộ của KCN.	Đổ tràn nguyên, nhiên liệu, hóa chất gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường.
2.	Sự cố rò rỉ nguyên, nhiên liệu, hóa chất và chất thải trong quá trình vận chuyển trên các tuyến đường của KCN.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Tuyến đường nội bộ của KCN.	Phát tán nguyên, nhiên liệu, hóa chất gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường.
3.	Sự cố vỡ sập đường ống nước cấp.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Tuyến ống nước cấp của KCN.	Ảnh hưởng đến cung cấp nước phục vụ hoạt động sản xuất và các hoạt động khác có liên quan.
4.	Sự cố vỡ, rò rỉ đường ống thu gom nước thải chung của KCN.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Tuyến ống thu gom nước thải chung và môi trường xung quanh.	Ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
5.	Sự cố nước thải xâm nhập vào nước mưa và ngược lại.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc môi trường xung quanh.	Gây quá tải đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, gây ô nhiễm môi trường xung quanh.
III	Sự cố môi trường xảy ra tại Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN			
1.	Sốc tải trong các bể xử lý.	Mức độ thấp, hoặc	Chất lượng nước thải đầu ra.	Hệ thống xử lý nước thải tập trung bị quá

Stt	Nhóm sự cố môi trường có thể xảy ra	Nguy cơ xảy ra	Phạm vi ảnh hưởng	Các tác động xấu có thể xảy ra
		ít khi xảy ra.		tải, gây ô nhiễm môi trường nguồn tiếp nhận.
2.	Sự cố vận hành hệ thống: hoá chất chảy tràn/thiếu hụt.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Chất lượng nước thải đầu ra.	Chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy định, gây ô nhiễm môi trường nguồn tiếp nhận.
3.	Sự cố do hỏng hóc thiết bị/mất điện đột xuất làm gián đoạn hoạt động của hệ thống.	Mức độ thấp.	Hệ thống máy móc vận hành, chất lượng nước thải đầu ra.	Chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy định, gây ô nhiễm môi trường nguồn tiếp nhận.
4.	Rò rỉ hoá chất thí nghiệm.	Mức độ thấp hoặc ít.	Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.	Ảnh hưởng môi trường xung quanh.
5.	Rò rỉ dầu nhớt động cơ, hộp số thải.	Mức độ thấp hoặc ít.	Khuôn viên nhà máy, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.	Ảnh hưởng môi trường xung quanh.

5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.2.1. Các biện pháp phòng ngừa đối với từng nguy cơ xảy ra sự cố đã được xác định trong bảng trên

Tùy thuộc vào phạm vi xảy ra sự cố, tính chất ngành nghề, khả năng của từng doanh nghiệp mà áp dụng các phương án khác nhau trong phòng ngừa, giảm thiểu các tác nhân gây ra sự cố môi trường trong KCN. Nhằm hạn chế thấp nhất nguy cơ xảy ra các sự cố môi trường, KCN đề xuất các biện pháp tổng quát sau:

5.2.1.1. Các biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố của các Trạm xử lý nước thải:

* Đối với Trạm xử lý nước thải tập trung tại Phân khu 1:

Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho Trạm xử lý nước thải tập trung KCN; có nhật ký vận hành, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị định kỳ.

Chủ dự án đã cải tạo hồ kiểm chứng thành hồ sự cố với dung tích 3.760 m³ đảm bảo đáp ứng quy định hiện hành và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại văn bản số 3201/TCMT-QLCT ngày 05/10/2020.

Công ty đã đề ra 03 trường hợp xảy ra sự cố, gồm:

(1) Ứng phó sự cố đối với 1 Module Selector + C-Tech thuộc hệ thống XLNT.

(2) Ứng phó sự cố đối với 2 Module Selector + C-Tech hoặc các công đoạn khác của hệ thống XLNT.

(3) Ứng phó khi Trạm quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN.

Để ứng phó sự cố môi trường nêu trên, Công ty đã thực hiện phương án cải tạo, nâng cấp để tối ưu hóa các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải như sau:

(1) Xây dựng mới Mương kiểm chứng thoát nước thải sau xử lý bằng bê tông cốt thép, trong lòng và thành mương ốp gạch kích thước 250 x 400 mm.

(2) Xây dựng mới Trạm quan trắc nước thải sau xử lý (thay thế Trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường) và đặt thiết bị quan trắc nước thải sau xử lý vào lòng mương bê tông cốt thép mới xây dựng.

(3) Mở rộng hố ga HG-01 để đầu nối với Mương kiểm chứng thoát nước, lắp đặt 01 cửa phai mương và 01 cửa phai cống.

(4) Nước thải trong Hồ sự cố được 02 máy bơm bơm về bể gom thông qua đường ống uPVC D200 đi ngầm dưới nền đất.

Việc ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải của Công ty được thực hiện theo 01 trong 03 trường hợp như sau:

a) **Trường hợp 1** (sự cố xảy ra ở 1 Module Selector + C-Tech thuộc hệ thống XLNT):

Khi xảy ra sự cố hoặc bảo dưỡng ở 1 trong 2 Module Selector, C-Tech của hệ thống xử lý nước thải, nước thải từ bể gom sẽ dẫn vào module còn lại không bị sự cố; công đoạn không bị sự cố vẫn hoạt động bình thường. Khu công nghiệp sẽ yêu cầu các doanh nghiệp đầu nối lưu giữ nước thải tạm thời hoặc giảm công suất sản xuất để lượng nước thải phát sinh phù hợp với công suất thiết kế của Module để không gặp sự cố quá tải về lưu lượng. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được xử lý theo quy trình bình thường.

b) **Trường hợp 2** (sự cố xảy ra ở cả 2 Module Selector + C-Tech hoặc các công đoạn khác của hệ thống xử lý nước thải):

Khi xảy ra sự cố hoặc bảo dưỡng ở cả 2 Module Selector, C-Tech hoặc các công đoạn khác của hệ thống xử lý nước thải, một phần nước thải sẽ được lưu tại bể thu gom (661,2 m³) hoặc các bể chứa thành phần, phần còn lại dẫn ra hồ sự cố để lưu giữ tạm thời. Sau khi khắc phục xong sự cố, 2 bơm hồi lưu nước trong hồ sự cố sẽ bơm nước trở về bể thu gom nước thải và tiếp tục xử lý theo quy trình bình thường.

c) **Trường hợp 3** (Khi Trạm quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN):

Khi thiết bị quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN, ngay lập tức sẽ chặn cửa xả nước thải ra ngoài môi trường và mở cửa phai dẫn nước vào Hồ sự cố.

Trong trường hợp này xảy ra 03 trường hợp:

(1) Như trường hợp 1;

(2) Như trường hợp 2;

(3) Trạm quan trắc tự động liên tục nước thải có thể gặp sự cố:

- Trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty cổ phần Thống Nhất có Phòng Thí nghiệm, nhân viên chức năng của bộ phận này có nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra các thông số ô nhiễm đặc thù của nước thải đầu vào (để quản lý Trạm đề ra giải pháp vận hành xử lý nước thải cho phù hợp), đầu ra sau xử lý nhằm kiểm tra kết quả xử lý nước thải. Kết quả phân tích từ Phòng Thí nghiệm này cũng là cơ sở để đánh giá tính chính xác của Trạm quan trắc tự động liên tục nước thải có bị sự cố hay không.

- Thuê đơn vị có chức năng phân tích nhanh các thông số ô nhiễm để xác định nguyên nhân chính khiến thông số vượt quy chuẩn (đối với những thông số mà Phòng Thí nghiệm của Công ty cổ phần Thống Nhất không có thiết bị để phân tích). Khi cần thiết sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất phát sinh nước thải của KCN. Trạm sẽ hoạt động trở lại khi các sự cố được khắc phục.

- Trong trường hợp không kịp thời xử lý sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, Công ty cam kết sẽ dừng hoạt động của Khu công nghiệp để khắc phục sự cố cho đến khi Trạm hoạt động lại.

Ngoài ra, thực hiện Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường; Công ty cổ phần Thống Nhất đã thực hiện duy trì việc vận hành và quản lý hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo các quy định hiện hành: kiểm tra định kỳ thiết bị với tần suất tối thiểu 01 lần/tháng bằng các dung dịch chuẩn, kiểm định, hiệu chuẩn lại thiết bị đo theo quy định của Luật Đo lường.....

*** Đối với các Trạm xử lý nước thải thứ cấp tại Phân khu 2:**

Công ty TNHH Pousung Việt Nam và Công ty TNHH Shing Mark Vina không thuộc đối tượng phải xây dựng hồ sự cố theo quy định hiện hành. 02 Công ty đã lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Posung Việt Nam

Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các Trạm xử lý nước thải của Công ty; có nhật ký vận hành, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với Trạm xử lý nước thải tổng công suất 4.700 m³/ngày (bao gồm 03 module 1.200 m³/ngày, 2.500 m³/ngày và 1.000 m³/ngày) cụ thể như sau:

+ Trường hợp 1: Sự cố xảy ra ở từng Trạm xử lý nước thải

Khi có sự cố xảy ra tại 01 module, cán bộ vận hành đóng cửa xả của module gặp sự cố và đồng thời báo cáo ban lãnh đạo Công ty, thực hiện điều tiết nước thải dẫn về xử lý tại 02 module còn lại, giảm công suất sản xuất để lượng nước thải phát sinh phù hợp với công suất thiết kế của Module không gặp sự cố. Sau đó, nhanh chóng, khẩn trương tiến

hành khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được xử lý theo quy trình bình thường.

+ Trường hợp 2: Sự cố xảy ra đồng thời từ 02 module trở lên

Khi có sự cố xảy ra đồng thời tại 02 module trở lên, cán bộ vận hành chặn cửa van nước thải sau hệ thống xử lý và đồng thời báo cáo ban lãnh đạo Công ty, giảm công suất sản xuất để giảm lượng nước thải phát sinh trong thời gian gặp sự cố. Nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể thu gom, bể điều hòa và các bể chứa thành phần của các Module xử lý nước thải. Sau đó, nhanh chóng tiến hành khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ các bể chứa sẽ tuần hoàn về bể thu gom hoặc bể điều hòa để tiếp tục xử lý theo quy trình bình thường.

+ Trường hợp 3: (Khi Trạm quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN):

Khi thiết bị quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN, ngay lập tức sẽ chặn cửa xả nước thải sau hệ thống quan trắc:

Trong trường hợp này xảy ra 03 trường hợp:

(1) Như trường hợp 1;

(2) Như trường hợp 2;

(3) Trạm quan trắc tự động liên tục có thể gặp sự cố (thuê đơn vị có chức năng phân tích nhanh thông số ô nhiễm để xác định nguyên nhân chính khiến thông số vượt quy chuẩn). Khi cần thiết sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất phát sinh nước thải của các nhà máy. Các nhà máy sẽ hoạt động trở lại khi các sự cố được khắc phục hoàn toàn.

Trong trường hợp không kịp thời xử lý sự cố đối với các module xử lý nước thải, Công ty sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố trước khi hoạt động trở lại.

- Công ty Shingmark:

Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho Trạm xử lý nước thải của Công ty; có nhật ký vận hành, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với Trạm xử lý nước thải tổng công suất 700 m³/ngày cụ thể như sau:

Khi có sự cố xảy ra tại Trạm xử lý nước thải (trừ các sự cố nhỏ như hư hỏng thiết bị có thể thay thế, sử dụng thiết bị dự phòng, không mất nhiều thời gian khắc phục), cán bộ vận hành chặn cửa van nước thải sau hệ thống xử lý và đồng thời báo cáo ban lãnh đạo Công ty, giảm công suất sản xuất để giảm lượng nước thải phát sinh trong thời gian gặp sự cố. Nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể thu gom, bể điều hòa và các bể chứa thành phần của các Module xử lý nước thải. Sau đó, nhanh chóng, khẩn trương tiến hành khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ các bể chứa sẽ tuần hoàn về bể thu gom hoặc bể điều hòa để tiếp tục xử lý theo quy trình bình thường.

Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và

bảo dưỡng được thiết lập cho Trạm xử lý nước thải của công ty; có nhật ký vận hành, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

*** Một số sự cố cụ thể khác có thể xảy ra đối với các Trạm xử lý nước thải của 02 Phân khu và biện pháp khắc phục cụ thể như sau:**

Bảng 3. 1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố Trạm xử lý nước thải

Stt	Sự cố Trạm XLNT	Biện pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố	Ghi chú
1	Tràn nước thải	Tại Phân khu 1: - Kiểm tra thường xuyên lưu lượng nước thải của các doanh nghiệp trong KCN. - Vận hành liên tục, ổn định hệ thống xử lý nước thải, tránh tình trạng tồn đọng nước thải, kẹt rác trong thời gian dài. - Trường hợp gặp sự cố tràn nước thải, nhân viên vận hành phải báo ngay với người quản lý và nhanh chóng dẫn nước thải vào hồ sự cố, sau đó nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm về bể thu gom xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Tại Phân khu 2: - Kiểm tra thường xuyên lưu lượng nước thải từ các nhà xưởng cho thuê của mỗi công ty. - Vận hành liên tục, ổn định các Trạm xử lý nước thải, tránh tình trạng tồn đọng nước thải, kẹt rác trong thời gian dài. - Trường hợp gặp sự cố tràn nước thải, nhân viên vận hành phải báo ngay với người quản lý để điều chỉnh hoạt động sản xuất giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp cần thiết sẽ phải dừng hoạt động các nhà máy để khắc phục sự cố.	Đối với các trường hợp sự cố lớn, nhân viên có mặt tại trạm không thể khắc phục kịp thời thì phải báo ngay cho đội ứng phó tình trạng khẩn cấp, tập trung toàn đội, triển khai tình hình và ứng cứu sự cố
2	Tràn, đổ hóa chất	- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các bồn chứa, đường ống, bơm, van khóa hóa chất tránh tình trạng thiết bị, dụng cụ bị nứt, bể, ... để tràn, rò rỉ hóa chất ra ngoài. - Nhận được thông tin tràn, rò rỉ, đổ hóa chất, dầu mỡ, nhân viên vận hành thông báo ngay cho người quản lý → toàn bộ nhân viên có mặt tại trạm đeo trang thiết bị phòng hộ → dùng cát để ngăn chặn hóa	

Stt	Sự cố Trạm XLNT	Biện pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố	Ghi chú
		chất tràn vào môi trường → dùng xẻng xúc cát nhiễm hóa chất vào thùng chứa chuyên dụng → vệ sinh lại khu vực tràn.	
3	Cúp điện	- Đảm bảo luôn có dầu chạy máy phát điện trong trường hợp mất điện đột xuất. - Khi nhận được giấy thông báo tạm ngưng cấp điện, Phòng Môi trường làm đề xuất mua dầu để chạy máy phát điện theo lịch cúp điện. - Khi nhận được thông tin sự cố mất điện đột ngột → nhân viên vận hành báo ngay cho người quản lý → thực hiện chuyển nguồn điện → tắt các thiết bị tiêu thụ điện không thiết yếu → vận hành máy phát cung cấp điện lại cho hệ thống → kiểm tra kỹ tần số, hiệu điện thế đảm bảo nguồn điện hoạt động ổn định → vận hành các thiết bị, máy móc tiêu thụ điện.	
4	Hư hỏng thiết bị Trạm xử lý nước thải.	- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Trạm xử lý nước thải theo đúng lịch trình. - Khi nhận được thông tin sự cố hư hỏng thiết bị vận hành Trạm xử lý nước thải → nhân viên vận hành thông báo ngay cho người phụ trách đồng thời kiểm tra lại thiết bị gặp sự cố là do lỗi gì → báo lên cấp trên xin ý kiến sửa chữa hoặc thay thế → hoàn tất sửa chữa thiết bị → vận hành ổn định lại hệ thống → báo cáo cấp trên.	
5	Nước thải nhiễm độc	- Kiểm tra thường xuyên hàm lượng các thành phần ô nhiễm cao trong nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải. - Khi nhận được thông tin sự cố nước thải nhiễm độc → nhân viên vận hành thông báo ngay cho người phụ trách → khoanh vùng nguồn nước về → kiểm tra, ngừng tiếp nhận, xin ý kiến xử lý → đánh giá mức độ nhiễm độc của nước thải bằng việc phân tích mẫu → tiến hành thu gom, vận chuyển đến đơn vị có chức năng để xử lý	
6	Nước thải	- Kiểm tra thường xuyên chất lượng nước đầu vào	

Stt	Sự cố Trạm XLNT	Biện pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố	Ghi chú
	thiếu dinh dưỡng	Trạm xử lý nước thải. - Kiểm tra thường xuyên hàm lượng các thành phần ô nhiễm trong nước thải (COD, tổng N, tổng P). - Khi nhận được thông tin nước thải thiếu dinh dưỡng → nhân viên vận hành bổ sung dinh dưỡng cho vi sinh (bổ sung đường, Nito, Phospho) tùy thuộc vào tình trạng thực tế → hệ thống hoạt động bình thường.	
7	Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy thứ cấp không đạt yêu cầu	- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp không đạt yêu cầu, nhân viên vận hành phải báo ngay với người quản lý và báo ngay cho nhà máy thứ cấp rồi khóa van đầu nối nước thải, tạm thời chứa nước thải vào các bể điều hòa, bể thu gom, bể chứa thành phần của nhà máy đó. Phối hợp với nhà máy thứ cấp tìm ra nguyên nhân để khắc phục, sau khi Trạm xử lý nước thải cục bộ tại nhà máy đã hoạt động ổn định trở lại sẽ tiếp tục xử lý sơ bộ nước thải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN rồi mở van đầu nối về KCN để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn.	

5.2.1.2. Các biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố khác

Sự cố cháy nổ do nhiên liệu

*Biện pháp quản lý chung:

- Đơn vị dịch vụ Bảo vệ Chuyên nghiệp Tín Nghĩa có trách nhiệm tổ chức các buổi học về PCCC cho toàn bộ nhân viên có nhiệm vụ, đồng thời chủ đầu tư KCN Bàu Xéo cũng có các hình thức vận động, tuyên truyền đến các nhà máy trong KCN về việc thực hiện tốt công tác PCCC;

- Nội quy PCCC được niêm yết tại mỗi khu vực của Công ty;

- Các nhà máy thành viên phải có kế hoạch phòng chống cháy nổ và được cơ quan chức năng phê duyệt theo quy định;

*Biện pháp phòng chống cháy nổ

Cháy do dòng điện quá tải: Để tránh hiện tượng quá tải điện, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- Khi thiết kế sẽ chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện;

- Khi sử dụng không được dùng thêm quá nhiều dụng cụ tiêu thụ điện có công suất lớn ngoài tính toán thiết kế;

- Những nơi cách điện bị hư hỏng, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát lửa khi dòng điện quá tải, cần phải thay dây mới khi phát hiện.

- Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role...

Phòng chống cháy do chập mạch: Các biện pháp phòng chống cháy do nguyên nhân này được trình bày như sau:

- Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng thiết bị điện phải theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn như dây điện trần phía ngoài nhà phải cách nhau 0,25m;

- Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại sẽ bị mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện;

- Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn,... phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.

Phòng chống cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở): Để phòng chống cháy do nối dây không tốt, các điểm nối dây phải đúng kỹ thuật. Khi thấy nơi quần băng dính bị khô và cháy sáng thì phải kiểm tra ngay và nối chặt lại điểm đầu nối. Không được co kéo dây điện hay treo các vật nặng lên dây. Đường dây dẫn điện, các cầu chì, cầu dao không để bị gỉ, nếu bị gỉ thì nơi gỉ là nơi phát nhiệt lớn.

Biện pháp chữa cháy thiết bị điện: Trước khi chữa cháy thiết bị điện phải ngắt nguồn điện rồi mới tiến hành cứu chữa. Nếu cháy nhỏ có thể dùng bình CO₂ để cứu chữa. Khi đám cháy đã phát triển lớn thì tùy tình hình cụ thể mà quyết định phương pháp cứu chữa thích hợp. Khi ngắt điện, người chữa cháy phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ như sào cách điện, bọc cách điện, ủng, găng tay và kéo cắt điện. Những dụng cụ này phải được ghi rõ điện áp cho phép sử dụng.

Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

- Tuân thủ triệt để các quy định của nhà nước về hoạt động quản lý và sử dụng hóa chất trong quá trình hoạt động

- Bố trí cán bộ quản lý hóa chất có trình độ, năng lực, am hiểu về hóa chất sử dụng.

- Sắp xếp hóa chất hợp lý, các loại hóa chất phải được dán nhãn, bao bì rõ ràng; không để các loại hóa chất dễ phản ứng, cháy nổ gần nhau. Các loại hóa chất phải được xếp theo lô riêng biệt, không xếp chồng hóa chất cao quá quy định.

- Đảm bảo các loại hóa chất không bị rò rỉ, bao chứa hóa chất không bị rách do chuột cắn hay bị vật nhọn đâm thủng, vật liệu chứa đựng là vật liệu bền với môi trường hóa chất. Thùng lưu chứa không bị nứt hay mòn.

- Đảm bảo các trang thiết bị bảo hộ đối với người lao động khi tiếp xúc với hóa chất như: khẩu trang, găng tay, kính mắt,...; sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân khác nếu cần thiết.

- Trang bị thiết bị chữa cháy tại kho hóa chất.

- Lắp đặt và sử dụng các biện pháp kiểm soát kỹ thuật;

- Hàng năm, Công ty cổ phần Thống Nhất tiến hành tổ chức cho cán bộ phụ trách an toàn môi trường – hóa chất và những người lao động trực tiếp làm việc với hóa chất tham gia các khóa học đào tạo an toàn môi trường hóa chất do Sở Công Thương tổ chức. Những nhân viên không trực tiếp làm việc với hóa chất cũng sẽ được phổ biến các biện pháp xử lý và ứng phó với sự cố nếu gặp tình huống bất ngờ.

- Xây dựng quy trình quản lý hóa chất:

Bước 1: Nhận diện/phân loại hóa chất; phân loại nguy cơ theo tác động tới sức khỏe, môi trường và các tác hại vật lý; chuẩn bị nhãn và bảng dữ liệu an toàn hoá chất và các biện pháp phòng tránh.

Bước 2: Xác định nguy cơ tiếp xúc tại nơi làm việc, đánh giá rủi ro.

Bước 3: Xác định các biện pháp kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro; triển khai biện pháp kiểm soát; đánh giá hiệu quả; duy trì mức bảo vệ.

Một số biện pháp khác cũng hỗ trợ việc kiểm soát hóa chất là: giám sát tiếp xúc; lưu giữ các ghi chép; khám sức khỏe; kế hoạch sơ tán khẩn cấp; và quy trình thải bỏ hoá chất.

*** Biện pháp ứng phó khi gặp sự cố:**

- Khi xảy ra tràn đổ rò rỉ hóa chất, người lao động làm việc tại khu vực tràn đổ, rò rỉ không tự ý tiếp xúc, đeo khẩu trang và di chuyển đến khu vực an toàn. Nhanh chóng sơ tán người đến khu vực an toàn.

- Ngắt điện khu vực, hủy bỏ các nguồn đánh lửa,... để đảm bảo an toàn, hạn chế cháy nổ xảy ra.

- Ngay lập tức thông gió khu vực (nếu khu lưu chứa không được thoáng), phun nước để giải tán hơi hóa chất. Sử dụng thiết bị không phát ra tia lửa điện.

- Báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị ứng phó, xử lý sự cố để phối hợp giải quyết sự cố.

- Lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố theo quy định.

An toàn lao động

- Tuân thủ nghiêm ngặt Quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy móc, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp.

- Quan tâm ngay từ khâu thiết kế nhà máy, lựa chọn thiết bị. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký, kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ theo quy định. Không đưa thiết bị vào vận hành khi chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định.

- Tiến hành tuyên truyền, huấn luyện cho người lao động nhằm phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn vệ sinh lao động. Tiến hành đo đạc các yếu tố độc hại trong môi trường lao động, theo dõi sức khỏe và có biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Xây dựng nội quy, quy tắc an toàn lao động.

- Để tránh những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra, nghiêm cấm người lao động không uống rượu, bia khi đang làm việc.

- Bảo trì, tu sửa máy móc thiết bị định kỳ.
- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ, bóng bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Người lao động được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị. Được khám sức khỏe định kỳ nhằm sớm phát hiện nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.
- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.
- Về an toàn kỹ thuật điện: tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố.
- Dự án sử dụng nhiên liệu là LPG, dầu DO, dầu FO, than, củi phục vụ máy phát điện dự phòng, lò đốt, lò sấy,... từng nhà máy sẽ áp dụng một số biện pháp sau nhằm đảm bảo an toàn trong sử dụng nhiên liệu:
 - + Bố trí bồn chứa, kho chứa nhiên liệu đảm bảo theo quy định và bố trí cách xa khu vực có khả năng cháy nổ như: khu dùng lửa, hút thuốc, dùng điện.
 - + Đường ống dẫn nhiên liệu phải được kiểm tra thường xuyên và luôn đảm bảo chất lượng để không rò rỉ ra bên ngoài.
 - + Trang bị hệ thống báo cháy tự động, hệ thống dập cháy tự động với các phương tiện dập cháy thích hợp.
 - Lắp hệ thống chống sét cho khu vực bồn chứa dầu.

An toàn thực phẩm

Các nhà máy thứ cấp phải tự đảm bảo vấn đề an toàn thực phẩm cho công nhân làm việc tại cơ sở.

Đối với suất ăn cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu hành chính – dịch vụ, Chủ đầu tư yêu cầu các công ty cung cấp thực phẩm phải đảm bảo đúng các quy định về an toàn thực phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật An toàn Thực phẩm, Nghị định số 124/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Nghị định 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, hướng dẫn tại Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01/3/2012 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; đồng thời, Chủ đầu tư chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực nhà ăn cách xa khu vực sản xuất và khu vực xử lý nước thải.
- Khu vực xung quanh nhà ăn (sân, đường đi) được giữ sạch sẽ, tránh bụi bẩn, đọng nước. Rãnh thoát nước trên bề mặt căn tin đảm bảo thoát nước tốt, tránh tắc nghẽn.
- Mương dẫn nước thải tới hệ thống thoát nước có nắp đậy, che kín.
- Nhà ăn, căn tin, dụng cụ phải được vệ sinh hàng ngày.
- Định kỳ tổ chức lớp tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm cho công nhân trực tiếp nấu ăn.

- Có phương tiện rửa tay đầy đủ và khử trùng tay tại khu vực nhà vệ sinh và phòng ăn cho nhân viên.

- Khi có sự cố về ngộ độc thực phẩm phải báo ngay với cơ quan có chức năng và vận chuyển các bệnh nhân bị ngộ độc đến trụ sở y tế gần nhất để có thể kịp thời ứng phó với ngộ độc.

5.2.1.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Công ty cổ phần Thống Nhất đã bố trí Phòng Quản lý Môi trường để phụ trách về các hoạt động liên quan đến vấn đề môi trường. Cán bộ chuyên trách sẽ có trách nhiệm theo dõi các hoạt động về môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, quản lý các hồ sơ về biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trong phạm vi, chức năng của phòng. Bên cạnh đó, cán bộ chuyên trách sẽ theo dõi sát chương trình bảo vệ môi trường và giám sát môi trường cũng như vận hành hệ thống xử lý nước thải theo nội dung cam kết tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường được cấp. Cán bộ/nhóm chuyên trách về môi trường cũng sẽ thực hiện quản lý hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, chất thải nguy hại và vận hành hệ thống xử lý nước thải. Nếu có sự cố hư hỏng, các bộ phận này sẽ báo cáo trên, đồng thời sửa chữa kịp thời, đảm bảo khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất.

5.2.1.4. Phương tiện, trang thiết bị, nguồn lực phục vụ công tác ứng phó, khắc phục sự cố môi trường

Stt	Trang thiết bị phục vụ	Nhân lực tham gia ứng cứu	Nội dung
1	Xe ô tô	- Doanh nghiệp. - Đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN. - Các đơn vị liên quan: đội bảo vệ, đội PCCC KCN, đội ứng phó sự cố hóa chất. - Các đơn vị chức năng	- Thông báo. - Cô lập. - Ngăn chặn sự lan rộng của sự cố. - Triệt tiêu, dập tắt sự cố. - Dọn dẹp, tẩy sạch. - Phục hồi hoạt động bình thường. - Ghi nhận, báo cáo.
2	Xe máy		
3	Xe chữa cháy		
4	Máy bơm		
5	Bình chữa cháy		
6	Kính bảo vệ mắt		
7	Khẩu trang		
8	Bao tay		
9	Ủng cao su		
10	Găng tay		
11	Bao chứa		
12	Thùng chứa		
13	Xẻng xúc, chổi quét, giẻ lau		
14	Cát, mùn cưa		

5.2.1.5. Cơ chế phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường

Việc thực hiện các thao tác ứng phó khắc phục nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại cho từng doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có những phương án riêng, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Theo đó, KCN đề ra cơ chế ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường cơ bản như sau:

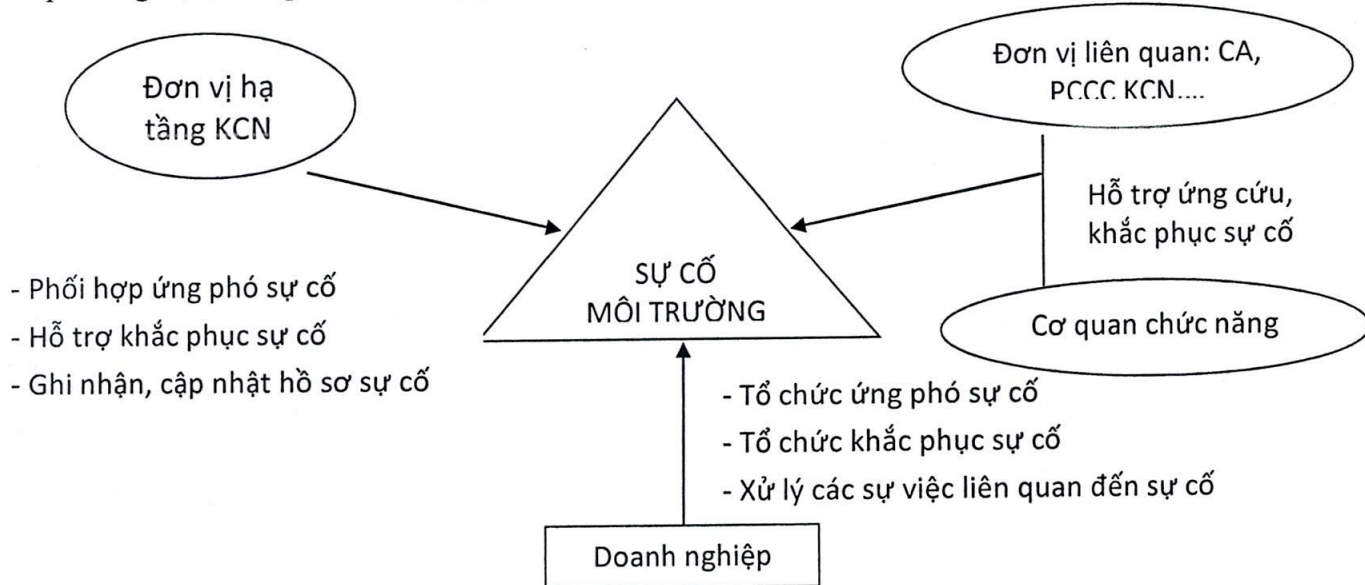
- Khi xảy ra sự cố thì người phát hiện sự cố phải cáo báo ngay cho Tổng Giám đốc hoặc người chịu trách nhiệm an toàn ở Công ty và báo động toàn đơn vị ứng phó với sự cố.

- Tổng Giám đốc hoặc người có trách nhiệm được phân công phải trực tiếp chỉ huy xử lý sự cố xảy ra.

- Người được phân công phải báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

- Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố tại hiện trường, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho nhân viên trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được cấp vào quá trình thực hiện xử lý.



Khi xảy ra sự cố, tùy theo quy mô, mức độ, trước tiên các nhà máy trong khu công nghiệp phải tự ứng phó sự cố. Nếu vượt quá phạm vi, khả năng ứng phó sự cố của nhà máy, đơn vị kinh doanh hạ tầng sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng hỗ trợ việc ứng phó sự cố, hỗ trợ nhà máy trong việc dọn dẹp, khắc phục hậu quả của sự cố gây ra. Đồng thời, ghi nhận nguyên nhân, hậu quả của sự cố, khoanh vùng đối tượng để cập nhật và điều chỉnh kế hoạch phòng ngừa, ứng phó thích hợp và kịp thời.

5.2.1.6. Phương án khắc phục ô nhiễm sau khi xảy ra sự cố môi trường

1. Biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của cư dân lân cận.

Xác định mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người do sự cố môi trường gây ra, bồi thường thiệt hại cho cộng đồng dân cư.

Thực hiện các biện pháp vệ sinh, thu gom cẩn thận, hạn chế sự lan rộng và tác động của nguồn gây ô nhiễm đối với khu vực xung quanh.

2. Biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

Quan trắc môi trường, đánh giá rủi ro, hậu quả từ sự cố môi trường xảy ra nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu và kịp thời điều chỉnh kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố thực tế hơn.

6. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật của Công ty cổ phần Thống Nhất

6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Giám sát định kỳ nước thải sau xử lý:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm đầu ra của Trạm xử lý nước thải tập trung trước cửa xả ra ngoài môi trường.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: BOD₅, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng nitơ, Tổng photpho, Clorua, Clo dư, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

6.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Giám sát tự động, liên tục nước thải sau xử lý:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra tại mương đo lưu lượng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

6.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Vị trí giám sát: khu lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

+ Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường

- Giám sát chất thải nguy hại (bao gồm cả bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung):

+ Vị trí giám sát: khu lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

+ Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải (bao gồm cả bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung).

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

+ **Giám sát thoát nước của Công ty TNHH Pousung Việt Nam và Công ty TNHH Shing Mark Vina:**

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp quyền truy cập vào website theo dõi số liệu quan trắc nước thải đầu ra truyền từ các Trạm quan trắc nước thải tự động của Pousung và Shing Mark (doanh nghiệp có lưu lượng xả thải lớn) để Công ty cổ phần Thống Nhất thuận tiện hơn trong việc giám sát, tiếp nhận xử lý nước thải của 02 Doanh nghiệp này.

6.4. Cơ sở tự quan trắc

Công ty cổ phần Thống Nhất đã trang bị một Phòng thí nghiệm tại Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo nhằm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát chất lượng một số thông số nước thải đặc thù trước và sau khi xử lý của hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra tại các doanh nghiệp trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN (khi cần).

7. Tổ chức quản lý môi trường

Nguồn lực của Công ty cổ phần Thống Nhất được sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động của KCN Bàu Xéo:

- Kinh phí thực hiện cho từng hoạt động bảo vệ môi trường:

Stt	Hạng mục công trình	Kinh phí (VNĐ/ năm)	Ghi chú
1	Chi phí thuê đơn vị bên ngoài thực hiện quan trắc môi trường tại KCN	150.000.000	Theo thời điểm thực tế
2	Chi phí tự thực hiện quan trắc tại KCN	30.000.000	Theo thời điểm thực tế
3	Chi phí trang bị phương tiện bảo hộ lao động, ứng phó sự cố	30.000.000	Theo thời điểm thực tế
4	Chi phí bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị hệ	100.000.000	Theo thời điểm thực tế

	thống xử lý nước thải		
5	Chi phí bảo dưỡng, bảo trì thiết bị PCCC	2.600.000	Theo thời điểm thực tế
6	Chi phí bảo dưỡng thiết bị chống sét	3.600.000	Theo thời điểm thực tế
7	Chi phí xây dựng phương án, diễn tập ứng phó sự cố hoá chất	3.000.000	Đáp ứng yêu cầu cho hoạt động diễn tập
	Tổng cộng	319.200.000	

- Bố trí nhân lực/ bộ phận quản lý môi trường, phân công trách nhiệm cho các cán bộ tham gia thực hiện phương án bảo vệ môi trường.
- Kế hoạch tập huấn về việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường.

HỒ SƠ PHÁP LÝ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76 /GXN-SCT

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất
của Công ty Cổ phần Thống Nhất.

Sở Công Thương Đồng Nai xác nhận:

Dự án: Công ty Cổ phần Thống Nhất - Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo.

Địa chỉ trụ sở: Đường số 2A, KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Số điện thoại: 061.3924377

Fax: 061.3924692

Đã xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất, Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu giữ, sử dụng hóa chất nguy hiểm Công ty Cổ phần Thống Nhất - Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo phải bảo đảm đúng các nội dung đã đề ra tại Biện pháp đã được xác nhận.

Lưu ý: Khi có sự thay đổi về quy mô, công nghệ, công suất hoạt động và các chủng loại hóa chất tại Công ty Cổ phần Thống Nhất - Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo ở đường số 2A, KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì Công ty có trách nhiệm thông báo về Sở Công Thương biết và chỉ được thực hiện các nội dung thay đổi khi đảm bảo các điều kiện về an toàn./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Thống Nhất;
- Cục Hóa chất;
- Lưu:VT;KT.



Nguyễn Văn Quan

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 509 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 163/CPTN-QLMT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thống Nhất về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo thông báo số 2977/BTNMT-TCMT ngày 31/5/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thống Nhất, địa chỉ tại Khu công nghiệp Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư - kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Xéo (bổ sung ngành nghề trong khu công nghiệp) có địa chỉ tại xã Sông Trầu, xã Tây Hòa, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư - kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Xéo (bổ sung ngành nghề trong khu công nghiệp).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Sông Trầu, xã Tây Hòa, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000042 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 29 tháng 8 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600667859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 9 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 3600667859.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp; các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

TT	Ngành nghề được phép thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Dệt (<i>không có công đoạn nhuộm</i>)	C13
3	Sản xuất trang phục	C14
4	Sản xuất giày, dép	C152
5	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	C16
6	Sản xuất bao bì giấy, bìa	C17021
7	In, sao chép bản ghi các loại	C18
8	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, phân bón sinh học và phân bón vi sinh vật	C2012
9	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (bao gồm sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học và hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản)	C2029
10	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C21
11	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C222
12	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C231
13	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	C2392
14	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ)	C259
15	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
16	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	C274
17	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C291
18	Sản xuất mô tô, xe máy	C3091
19	Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan	C321
20	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C323
21	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C324
22	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (thủ công mỹ nghệ)	C329
23	Điện mặt trời (bao gồm điện mặt trời mái nhà nổi lưới) (<i>chỉ được tiếp nhận khi được cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương và tuân thủ quy định của pháp luật về điện lực, xây dựng, an toàn cháy nổ</i>)	D35116
24	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	G452
25	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	G46613
26	Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	G47111
27	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	G473
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	M741

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Diện tích đã được giao đất và hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp: 470,82051 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thống Nhất:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thống Nhất có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến ngày 14 tháng 12 năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Thống Nhất;
- Lưu: VT, KSONMT, CN&NH.Liem.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu nhà điều hành và Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo (có bao gồm nước thải từ máy ép bùn).

- Nguồn số 02: Nước thải từ Khu trung tâm dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo.

- Nguồn số 03: Nước thải từ các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Bàu Xéo đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý xả ra sông Thao rồi chảy ra sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1212485,914; Y = 422132,525

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo qua mương quan trắc nước thải sau xử lý (nằm trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo) theo cống dẫn nước thải chảy ra sông Thao rồi ra sông Đồng Nai.

- Hình thức xả: Xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A; các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 – 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	67,5		Đã lắp đặt
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		Đã lắp đặt
5	Amoni (theo N)	mg/l	4,5		Đã lắp đặt
6	Màu	Pt/Co	50		-
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		-
8	Asen (As)	mg/l	0,045		-
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0045		-
10	Chì (Pb)	mg/l	0,09		-
11	Cadmi (Cd)	mg/l	0,045		-
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,045		-
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	0,18		-
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,8		-
15	Kẽm (Zn)	mg/l	2,7		-
16	Niken (Ni)	mg/l	0,18		-
17	Mangan (Mn)	mg/l	0,45		-
18	Sắt (Fe)	mg/l	0,9		-
19	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,063		-
20	Tổng Phenol	mg/l	0,09		-
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	01 năm/lần	-
22	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,18		-
23	Florua (F ⁻)	mg/l	4,5		-
24	Tổng Nitơ	mg/l	18		-
25	Tổng Phốt pho	mg/l	3,6		-
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	450		-
27	Clo dư	mg/l	0,9		-
28	Coliform	MPN/100ml	3.000		-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		-
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		-
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,045		-
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27		-
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Song chắn rác → Bể gom → Máy tách rác tinh → Bể Selector → Bể C-Tech → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: H₂SO₄, NaOH, Al₂(SO₄)₃, Polyme, NaClO (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào tại bể gom, đầu ra tại mương quan trắc), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng hồ sự cố có dung tích thiết kế 3.760 m³ để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống, thiết bị để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, lượng nước thải còn lại

được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Một phần nước thải sau xử lý được đưa về hồ sự cố cho đến khi nước thải trong hồ sự cố đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung và được bơm quay trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, nước thải vượt quy chuẩn được dẫn tự chảy về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm quay trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng khả năng xử lý, nước thải được bơm ra hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45 ✓
2	pH	-	5 - 9 ✓
3	Màu (pH=7)	Pt/Co	150 ✓
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	200 ✓
5	COD	mg/l	400 ✓
6	TSS	mg/l	200 ✓
7	Asen (As)	mg/l	0,1 ✓
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01 ✓
9	Chì (Pb)	mg/l	0,5 ✓
10	Cadmi (Cd)	mg/l	0,1 ✓
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,1 ✓
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	1,0 ✓
13	Đồng (Cu)	mg/l	2,0 ✓
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3,0 ✓
15	Niken (Ni)	mg/l	0,5 ✓
16	Mangan (Mn)	mg/l	1,0 ✓
17	Sắt (Fe)	mg/l	5,0 ✓
18	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,1 ✓
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5 ✓
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10 ✓
21	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,5 ✓
22	Florua (F ⁻)	mg/l	10 ✓
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10 ✓
24	Tổng Nitơ	mg/l	40 ✓
25	Tổng Phốt pho	mg/l	6 ✓
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	1.000 ✓
27	Clo dư	mg/l	2,0 ✓
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1 ✓
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	1,0 ✓
30	Tổng PCB	mg/l	0,01 ✓

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
31	Coliform	MPN/100ml	5.000 ✓
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1 ✓
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0 ✓

Công ty Cổ phần Thống Nhất phải bảo đảm thỏa thuận thống nhất với các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Bàu Xéo về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại bể gom nước thải đầu vào và đầu ra tại mương quan trắc nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất là 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải; phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; phải thường xuyên được nạo vét, định kỳ duy tu, bảo dưỡng để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường

xuân, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Xéo.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ X = 1212327,7679; Y = 421776,0019.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. *bt*

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	5.000
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác	16 01 06	6
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	24
TỔNG KHỐI LƯỢNG			5.030

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn thu từ song chắn rác	360
2	Nhựa phế liệu	15
3	Giấy loại, thùng giấy	50
TỔNG KHỐI LƯỢNG		425

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1,8
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1,8

1.4. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	6
2	Bao bì mềm (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	18
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	18
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	24
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	24
TỔNG KHỐI LƯỢNG			102

Thực hiện phân định, phân loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng có nắp đậy, bao bì.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực kho lưu chứa bùn sau khi ép có diện tích 70 m².

- Khu vực kho lưu chứa CTNH khác có diện tích: 20 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

Diện tích: 10 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

ltz

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Các hạng mục, công trình hạ tầng của Khu công nghiệp Bàu Xéo trên diện tích 28,97879 ha, bao gồm cả hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải.

2. Công ty chỉ được triển khai thực hiện đối với phần diện tích đất đã hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai, quy hoạch.

3. Sau khi hoàn thành việc đầu tư bổ sung, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trảng Bom, ngày 20 tháng 02 năm 2025

HỢP ĐỒNG

Số: 05../2025/HĐ-CPTN

TÊN GÓI THẦU: DỊCH VỤ BẢO VỆ MỤC TIÊU KHU CÔNG NGHIỆP BÀU XÉO NĂM 2025 (KHU VỰC NHÀ VĂN PHÒNG, TRẠM BƠM TĂNG ÁP VÀ TRẠM XLNT TẬP TRUNG KCN BÀU XÉO)

ĐỊA ĐIỂM: KCN BÀU XÉO, HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP TÍN NGHĨA

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng Dịch vụ Bảo vệ Mục tiêu KCN Bàu Xéo năm 2025 (Khu vực Nhà Văn phòng, Trạm bơm tăng áp và Trạm XLNT tập trung KCN Bàu Xéo, ngày 14/02/2025 giữa Công ty Cổ phần Thống Nhất và Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp Tín Nghĩa.

- Quyết định số 15 /QĐ-CPTN ngày 14/02/2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Dịch vụ Bảo vệ Mục tiêu KCN Bàu Xéo năm 2025 (Khu vực Nhà Văn phòng, Trạm bơm tăng áp và Trạm XLNT tập trung KCN Bàu Xéo;

Hôm nay, ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thống Nhất, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Bên A (Bên thuê dịch vụ): CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

- Đại diện: Ông NGUYỄN HOÀNG DŨNG Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251. 3924690 Fax: 0251.3924692

- Mã số thuế: 3600667859

- Số tài khoản: 5905201000480 tại Ngân hàng NN & PTNT huyện Trảng Bom.

Bên B (Bên cung cấp dịch vụ): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP TÍN NGHĨA

- Đại diện: Ông TRẦN TUẤN TRIỆU Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 60, đường số 01, KDC và TĐC Tam Phước, phường Tam phước, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại : (0251) 3 842 478.

- Fax: (0251) 3 842 479.

- Mã số thuế : 3603272464.

- Tài khoản : 0121000754975 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đồng Nai.

Hoặc : 135704070027529 tại Ngân hàng HDBank - Chi nhánh SGD Đồng Nai.

Sau khi bàn bạc, thảo luận và xem xét khả năng, nhu cầu của các Bên, hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ với các điều khoản như sau:

Điều 1. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG.

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Bên A với nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu bảo vệ: Mục tiêu bảo vệ trong Hợp đồng này là đảm bảo an toàn tài sản, vật tư, thiết bị tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thống Nhất, Trạm bơm tăng áp, Trạm XLNT tập trung KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Số lượng bảo vệ : Bên B cung cấp cho Bên A tổng số 09 (chín) nhân viên bảo vệ (Chi tiết theo danh sách đính kèm).

- Số lượng vị trí bảo vệ sẽ được xem xét trong thời gian tiếp theo để phục vụ tốt nhất và hợp lý nhất các mục tiêu đề ra.

- Nếu phát sinh về thay đổi số nhân viên bảo vệ tại mục tiêu thì giữa Công ty Cổ

phần Thống Nhất và Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp Tín Nghĩa sẽ điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

3. Thời gian bảo vệ: Thay ca trực 24h/24h (bao gồm cả chủ nhật, ngày Lễ, Tết).

4. Chất lượng dịch vụ: Bên B cam kết cung cấp lực lượng bảo vệ đã được đào tạo, huấn luyện đầy đủ, có chất lượng chuyên môn nghiệp vụ cao và phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Nhân viên Bên B đã qua đào tạo về nghiệp vụ bảo vệ;
- Các kỹ năng giám sát cơ bản;
- Nghiệp vụ ứng phó trong các tình huống khẩn cấp;
- Nghiệp vụ sơ, cấp cứu;
- Nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy (bao gồm tài xế điều khiển phương tiện xe PCCC, xe ô tô cơ giới khác);
- Canh gác cơ giới, võ thuật, sử dụng trang thiết bị bảo vệ thành thực.

Điều 2. THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 21/02/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn theo yêu cầu của mỗi Bên. Trong trường hợp này, Bên đề nghị chấm dứt Hợp đồng phải gửi bằng văn bản thông báo cho Bên kia trước 15 (mười lăm) ngày. Theo đó, hai Bên sẽ lập Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Điều 3. PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

1. Phí dịch vụ:

- Bên A thanh toán phí dịch vụ bảo vệ hàng tháng cho Bên B với số tiền là: **83.700.000 VND/09 người/tháng** (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, bảy trăm ngàn đồng/09 người/tháng).

- Mức phí trên đã bao gồm thuế GTGT.

- Phí dịch vụ được tính từ ngày 01 đến ngày cuối tháng dương lịch. Nếu phí dịch vụ không tròn tháng thì được tính tương ứng với số ngày thực tế của tháng đó theo công thức: **Phí dịch vụ/30 ngày x số ngày thực tế** (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ).

- **Điều chỉnh thuế suất:** Tại thời điểm xuất hoá đơn, thanh toán các bên thống nhất lại thuế suất theo các quy định hiện hành.

2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

- Vào ngày 25 đến ngày cuối tháng Bên B sẽ tổng hợp lại chi phí dịch vụ của tháng đó, xuất hóa đơn tài chính hợp pháp cho Bên A. Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ.

- Nếu quá 60 ngày mà Bên A vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết mà không được sự đồng ý của Bên B thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Đồng thời Bên A phải chịu tính lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay quá hạn (kỳ hạn 6 tháng đối với tổ chức) theo quy định của Ngân hàng mà Bên B có tài khoản giao dịch công bố tại thời điểm thanh toán kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 4. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A.

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B và các nhân viên bảo vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

2. Bên A thừa nhận rằng Hợp đồng này chỉ nhằm thực hiện cung cấp dịch vụ bảo vệ và không phải là một Hợp đồng Bảo hiểm.

3. Bên A cam kết không tuyển dụng bất kỳ nhân viên bảo vệ nào của Bên B sang làm việc cho Bên A trong khi hai Bên chưa chấm dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ.

4. Cung cấp bằng văn bản cho Bên B biết các quy định có liên quan đến việc thực hiện dịch vụ bảo vệ của Bên B và trong quá trình thực hiện, nếu có bổ sung các văn bản và quy định có liên quan thì phải thông báo cho Bên B biết.

5. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại vật chất và thương tích thân thể xảy ra đối với nhân viên của Bên B trong trường hợp Bên A yêu cầu thực hiện một hay nhiều công việc nằm ngoài phạm vi trách nhiệm bảo vệ mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B (Bên A được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp nhân viên của Bên B bị tai nạn hoặc thương tích do tự ý thực hiện các công việc ngoài phạm vi trách nhiệm đã được hai bên thống nhất bằng văn bản).

6. Chỉ định người và bộ phận chuyên trách theo dõi giám sát chất lượng phục vụ công tác Bảo vệ an ninh của Bên B như thái độ, hành vi, tác phong của nhân viên Bảo vệ tại mục tiêu. Giám sát việc thực hiện dịch vụ bảo vệ của Bên B theo kế hoạch đã thống nhất giữa hai Bên.

7. Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại nếu lỗi gây ra thiệt hại đó hoàn toàn thuộc về lực lượng bảo vệ của Bên B hoặc có quyền yêu cầu Bên B liên đới chịu trách nhiệm về những thiệt hại gây ra do lỗi của lực lượng bảo vệ Bên B theo những quy định của Hợp đồng này. Giá trị bồi thường sẽ được trừ vào tiền thanh toán từng tháng của Hợp đồng.

8. Có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ một hoặc nhiều nhân viên bảo vệ của Bên B khi xét thấy nhân viên đó thực sự không thích hợp để làm nhiệm vụ.

9. Thực hiện việc thanh toán theo đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

Điều 5. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B.

1. Quyền hạn của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ và kịp thời những yêu cầu hợp lý nhằm đảm bảo an toàn tối thiểu khi phát hiện nguy cơ gây thiệt hại cho Bên A.

b) Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

c) Nhân viên bảo vệ của Bên B có quyền theo dõi và tạm giữ lại những người mà nhân viên bảo vệ của Bên B có lý do nghi ngờ họ có hành vi xâm phạm tài sản, quấy rối an ninh trật tự, hành động tấn công, hành động phạm pháp trong địa bàn do Bên B bảo vệ. Những người có biểu hiện cất giấu, trộm cắp tài sản ra khỏi khu vực của Bên A.

d) Nhân viên bảo vệ của Bên B được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để ngăn chặn các hành vi vi phạm nội quy do Bên A ban hành, vi phạm pháp luật, sự cố kỹ thuật về cháy, nổ, chập điện,...

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Trong phạm vi Hợp đồng này, Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Trong vòng 48 giờ kể từ trước khi bố trí hoặc thay đổi nhân viên bảo vệ phải cung cấp danh sách và lý lịch của nhân viên bảo vệ làm việc tại hiện trường cho Bên A. Cung cấp cho Bên A dịch vụ đạt chất lượng theo đúng thỏa thuận. Sau mỗi ca trực nhân viên phải báo cáo lại tình hình vào sổ trực và các biểu mẫu theo quy định.

- Thay thế nhân viên bảo vệ nếu Bên A yêu cầu và được Bên B xác nhận là hợp lý trong vòng 24 giờ.

- Trang bị đồng phục theo quy định và các trang thiết bị bảo vệ cần thiết cho nhân viên bảo vệ của Bên B như: Gậy cao su, máy bộ đàm, đèn pin, sổ nhật ký ca trực, sổ theo dõi hàng hóa, sổ ghi chép khách và nhân viên ra vào Công ty.

- Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Bên A biết các thông tin có liên quan đến tình hình an ninh tại khu vực của Bên A.

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản khi để xảy ra mất mát hoặc hư hỏng tài sản thuộc phạm vi trách nhiệm bảo vệ và do lỗi hoàn toàn thuộc về lực lượng bảo vệ của Bên B. Trường hợp tài sản bị mất mát hoặc hư hỏng không phải hoàn toàn do lỗi thuộc về bảo vệ của Bên B gây ra nhưng có liên quan tới một phần trách nhiệm, thì Bên A và Bên B xem xét một cách thực tế, khách quan và Bên B phải bồi thường một tỉ lệ hợp lý theo thỏa thuận của hai Bên.

a) Trong quá trình thực hiện công việc trong Hợp đồng này, các nhân viên bảo vệ của Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo an toàn và trật tự trong khu vực được bảo vệ. Giám sát tình hình an ninh trật tự trong khu vực được giao. Phối hợp và hỗ trợ Bên A xử lý các trường hợp vi phạm quy định, quy chế làm việc có quan hệ đến an ninh và văn hóa giao tiếp của mục tiêu.

- Thực hiện các hành vi hợp pháp thích ứng chống lại bất cứ một sự xáo trộn hay xâm phạm tài sản hiện diện nào, sự lạm dụng hay hành động phá rối và kịp thời trình báo cho Bên A biết điều này.

- Trường hợp có tai nạn hoặc những sự việc bất thường xảy ra hoặc sau khi tạm giữ người vi phạm, nhân viên bảo vệ có trách nhiệm thông báo ngay sự việc cho người đại diện Bên A, Bên B và Công an địa phương hoặc cơ quan thẩm quyền để xử lý.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và nội quy, quy chế của Bên A.

- Tôn trọng các nhân viên và khách của Bên A đến làm việc, giao dịch trong khu vực của Bên A. Bên B phải đối xử hòa nhã với tất cả các nhân viên và những người khách vào mục tiêu, các hành động bảo vệ an ninh sẽ được thực hiện và chỉ sử dụng có mức độ vũ lực nếu xét thấy xác đáng, đúng qui định của pháp luật và nội qui của Bên A. Bên B sẽ cố gắng tối đa để duy trì quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương xung quanh mục tiêu. Trong mọi trường hợp Bên B sẽ luôn thể hiện tính chuyên nghiệp của mình.

- Hoàn tất các biên bản giao ca hàng ngày, ghi chép đầy đủ tình hình ca trực và việc theo dõi xuất nhập hàng hóa trình cho Bên A xem xét khi có yêu cầu.

b) Nghiêm cấm nhân viên bảo vệ của Bên B có các hành vi sau:

- Gây trở ngại cho nhân viên của Bên A làm việc tại khu vực của Bên A.

- Có lời nói, hành vi, thái độ thiếu văn hóa, cư xử thô bạo vượt quá phạm vi chính đáng.

- Trộm cắp, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ gây thiệt hại về tài sản cho Bên A.

- Ngủ, đánh bạc, uống rượu, bia và mua bán sử dụng các chất kích thích mà pháp luật cấm trong khi làm nhiệm vụ.

- Vi phạm nội quy, quy chế của Bên A và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

1. Quy trình bồi thường thiệt hại:

- Khi phát sinh thiệt hại, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B về sự việc này. Chậm nhất trong 24 giờ kể từ khi thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử người có trách nhiệm để cùng Bên A tiến hành xác định lỗi gây ra thiệt hại, trách nhiệm, mức độ thiệt hại và phương thức bồi thường căn cứ vào biên bản xác nhận thiệt hại, mất mát của Bên A với nhân viên bảo vệ của Bên B.

- Trường hợp hai Bên không thống nhất được về lỗi, mức thiệt hại, phương thức bồi thường thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi hai Bên không thống nhất với nhau (có biên bản và xác nhận của Đại diện hai Bên), một trong hai Bên có quyền yêu cầu cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành điều tra. Kết luận điều tra của cơ quan Công an là căn cứ để Bên B bồi thường. Trong trường hợp Bên B vẫn không đồng ý thì vụ việc sẽ được chuyển lên Tòa án có thẩm quyền, quyết định/bản án của Tòa án là căn cứ ràng buộc trách nhiệm bồi thường của Bên B.

- Việc bồi thường được tính theo thực tế thiệt hại xảy ra dựa trên chứng từ kế toán hoặc theo giá thị trường của tài sản tương tự tại thời điểm có thiệt hại xảy ra.

2. Điều kiện bồi thường:

Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại nêu trên khi và chỉ khi có các điều kiện dưới đây được thiết lập:

- Những thiệt hại đó là hậu quả trực tiếp và tất yếu của việc Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm của Bên B quy định trong Hợp đồng này.

- Tài sản bị mất nằm trong phạm vi bảo vệ đã được bàn giao giữa hai Bên thông qua biên bản bàn giao có xác nhận hai Bên. Bên B không chịu trách nhiệm trước Bên A về tất cả các thiệt hại, mất mát và tổn thất về tài sản của Bên A nếu những thiệt hại, mất mát và tổn thất đó xảy ra ngoài phạm vi bảo vệ đã bàn giao cho Bên B trong Biên bản bàn giao.

- Khi xảy ra thiệt hại, Bên A cung cấp đầy đủ cho Bên B các tài liệu gốc có liên quan để xác định số lượng, giá trị của các tài sản bị mất (căn cứ trên chứng từ kế toán hợp pháp nằm trong hệ thống tài chính kế toán của Bên A tại Việt Nam). Trường hợp tài sản bị thiệt hại không thể xác định dựa trên chứng từ kế toán, việc xác định giá trị tài sản này sẽ dựa trên giá trị thực tế của tài sản tương tự.

3. Miễn trừ trách nhiệm bồi thường:

- Nhân viên bảo vệ của Bên B sẽ cố gắng để thực thi những nhiệm vụ được quy

định tại bản Hợp đồng này theo trách nhiệm cao nhất. Tuy nhiên Bên B sẽ được miễn trừ một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp sau:

☐ Mọi thiệt hại xảy ra do tình trạng bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp do: Thiên tai, sấm sét, lụt lội, giông bão, hiện tượng thời tiết hoặc các sự cố bất thường khác như hỏa hoạn, sốc điện, chập điện hoặc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chiến tranh, bạo động, đình công...

☐ Thiệt hại, mất mát, hư hỏng gây ra bởi sự gian lận, các hành vi làm thiệt hại có chủ ý của Bên A.

- Bên B sẽ không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mất mát và tổn thất về hàng hóa, tài sản của Bên A nếu sau khi Bên B đã có kiến nghị với Bên A quá 02 lần bằng văn bản về việc Bên A cần thực hiện các biện pháp quản lý, đề phòng, ngăn ngừa tổn thất, mất mát về tài sản của Bên A và nhân viên của Bên A nhưng Bên A không xem xét thực hiện những kiến nghị đó.

- Bên B sẽ không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mất mát và tổn thất về hàng hóa, tài sản của Bên A nếu hai Bên không tiến hành xác lập biên bản bàn giao tài sản - hàng hóa và khi Bên A báo mất tài sản - hàng hóa mà Bên B chứng minh được Bên B đã thực hiện đúng công tác bảo vệ, trong khu vực mà Bên B bảo vệ không có dấu hiệu đột nhập hoặc thoát ra Bên ngoài tường rào, cổng chính.

- Bên B không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những mất mát thuộc về tài sản cá nhân trong trường hợp nhân viên bảo vệ không có nghĩa vụ phải giám sát những cá nhân đó.

Điều 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B hoặc nhân viên Bên B thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại hoặc làm đình trệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên A.

2. Bên B có quyền tạm dừng thực hiện hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng này nếu Bên A nợ phí dịch vụ từ 02 (hai) tháng trở lên không thanh toán mà Bên B đã thực hiện đầy đủ và chuyển hoá đơn hợp pháp cho Bên A.

3. Bên B có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng nếu Bên A không thực hiện đầy đủ, không kịp thời sau khi Bên B đã thông báo bằng văn bản đề nghị hợp lý liên quan đến công tác nhằm đảm bảo các yêu cầu thiết yếu cho công tác bảo vệ, an toàn cho tài sản của Bên A.

4. Nếu một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không thông báo trước hoặc không do lỗi của Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải chịu một khoản tiền phạt tương đương giá trị một tháng Hợp đồng của tháng trước liền kề.

5. Phí dịch vụ bảo vệ, lãi chậm thanh toán và các chi phí khác (nếu có) phải được thanh toán đầy đủ tính đến thời điểm có sự kiện chấm dứt Hợp đồng xảy ra.

Điều 8. THÔNG BÁO

Tất cả những vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được chuyển trực tiếp, email, fax hoặc thư bảo đảm theo

đường bưu điện về địa chỉ của hai Bên, trường hợp khẩn cấp có thể liên hệ trực tiếp hoặc qua điện thoại với đại diện các Bên theo danh sách đính kèm.

Điều 9. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Việc sửa đổi hoặc hủy bỏ bất kỳ điều khoản nào, một hoặc nhiều quyền hạn, nghĩa vụ của Bên nào hoặc cả hai Bên được quy định trong Hợp đồng này phải được thực hiện bằng văn bản và được hai Bên xác nhận bởi người đại diện hợp pháp của cả hai Bên.

2. Nếu phát sinh về thay đổi số lượng nhân viên bảo vệ tại mục tiêu thì giữa hai Bên sẽ điều chỉnh bằng Phụ lục Hợp đồng.

3. Khi chưa có sự đồng ý của Bên còn lại, không Bên nào được chuyển nhượng trách nhiệm và quyền lợi của mình cho bất kỳ Bên thứ ba nào.

4. Hai Bên cam kết không tiết lộ về bất cứ công nghệ, kỹ thuật, giá cả hoặc những thông tin bí mật, tài sản của Bên kia cho bất kỳ Bên thứ 3 nào biết dưới mọi hình thức.

5. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được các Bên cùng bàn bạc và giải quyết trên tinh thần hợp tác và đôi Bên cùng có lợi, trên cơ sở các nội dung được quy định tại Hợp đồng này. Trường hợp các Bên không thể thương lượng và thống nhất được cách giải quyết thì các Bên thống nhất vụ việc sẽ được chuyển đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Tất cả các chi phí liên quan đến việc giải quyết vụ kiện (bao gồm cả các chi phí dịch vụ pháp lý, thuê mướn luật sư) sẽ do Bên thua kiện chịu.

6. Tất cả các quy định trong Hợp đồng này phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Trường hợp có bất cứ điều khoản, quy định nào của Hợp đồng này không phù hợp sẽ áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết.

7. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 02 Bên ký kết.

8. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có cùng nội dung và hình thức. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Nguyễn Hoàng Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B


Trần Tuấn Triệu

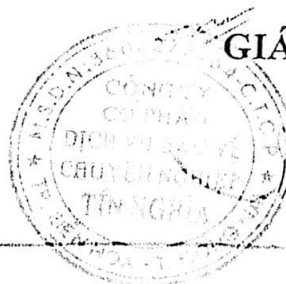
BẢNG TỔNG HỢP NHÂN SỰ VÀ GIÁ CHÀO

1. Về nhân sự:

Stt	Vị trí	Số lượng bảo vệ	Ghi chú
1	Nhà văn phòng Công ty CP Thống Nhất	03	Trực ca 24/24h (03 ca)
2	Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo	03	Trực ca 24/24h (03 ca)
3	Trạm bơm nước sạch KCN Bàu Xéo	03	Trực ca 24/24h (03 ca)
Tổng cộng		09 người	03 Ca

2. Về giá chào:

Stt	Vị trí	Số lượng bảo vệ	Đơn giá	Đơn giá điều chỉnh theo thời gian	Thành tiền	Ghi chú
1	Nhà văn phòng Công ty CP Thống Nhất	3	8.454.545	8.454.545	25.363.636	Trực 24/24 (3 ca)
2	Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo	3	8.454.545	8.454.545	25.363.636	Trực 24/24 (3 ca)
3	Trạm bơm nước sạch KCN Bàu Xéo	3	8.454.545	8.454.545	25.363.636	Trực 24/24 (3 ca)
I	Cộng	09			76.090.909	
II	Thuế VAT				7.609.091	
III	Tổng cộng	09 người			83.700.000	



GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trăng Bom, ngày 20 tháng 02 năm 2025

HỢP ĐỒNG

Số: .D.G../2025/HĐ-CPTN

TÊN GÓI THẦU: DỊCH VỤ BẢO VỆ TUẦN TRA KCN BÀU XÉO NĂM 2025

ĐỊA ĐIỂM: KCN BÀU XÉO, HUYỆN TRĂNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP TÍN NGHĨA

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng Dịch vụ Bảo vệ tuần tra KCN Bàu Xéo năm 2025, ngày 14/02/2025 giữa Công ty Cổ phần Thống Nhất và Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp Tín Nghĩa.

- Quyết định số 14/QĐ-CPTN ngày 14/02/2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Dịch vụ Bảo vệ tuần tra KCN Bàu Xéo năm 2025;

Hôm nay, ngày 02 tháng 02 năm 2025 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thống Nhất, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Bên A (Bên thuê dịch vụ): CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

- Đại diện: Ông **NGUYỄN HOÀNG DŨNG** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

- Địa chỉ: KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251. 3924690 Fax: 0251.3924692

- Mã số thuế: 3600667859

- Số tài khoản: 5905201000480 tại Ngân hàng NN & PTNT huyện Trảng Bom.

Bên B (Bên cung cấp dịch vụ): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP TÍN NGHĨA

- Đại diện: Ông **TRẦN TUẤN TRIỆU** Chức vụ : **Giám đốc**

- Địa chỉ: Số 60, đường số 01, KDC và TĐC Tam Phước, phường Tam phước, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại : (0251) 3 842 478.

- Fax: (0251) 3 842 479.

- Mã số thuế : 3603272464.

- Tài khoản : 0121000754975 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đồng Nai.

Hoặc : 135704070027529 tại Ngân hàng HDBank - Chi nhánh SGD Đồng Nai.

Sau khi bàn bạc, thảo luận và xem xét khả năng, nhu cầu của các Bên, hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ với các điều khoản như sau:

Điều 1. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG.

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Bên A với nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu bảo vệ: Mục tiêu bảo vệ trong Hợp đồng này là đảm bảo an toàn tài sản, vật tư, thiết bị hạ tầng trong Khu công nghiệp Bàu Xéo.

2. Số lượng bảo vệ : Bên B cung cấp cho Bên A tổng số **04** (bốn) nhân viên bảo vệ (Chi tiết theo danh sách đính kèm).

- Số lượng vị trí bảo vệ sẽ được xem xét trong thời gian tiếp theo để phục vụ tốt nhất và hợp lý nhất các mục tiêu đề ra.

- Nếu phát sinh về thay đổi số nhân viên bảo vệ tại mục tiêu thì giữa Công ty Cổ phần Thống Nhất và Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp Tín Nghĩa sẽ điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

3. Thời gian bảo vệ: Thay ca trực 24h/24h (bao gồm cả chủ nhật, ngày Lễ, Tết).

4. Chất lượng dịch vụ: Bên B cam kết cung cấp lực lượng bảo vệ đã được đào tạo, huấn luyện đầy đủ, có chất lượng chuyên môn nghiệp vụ cao và phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Nhân viên Bên B đã qua đào tạo về nghiệp vụ bảo vệ;
- Các kỹ năng giám sát cơ bản;
- Nghiệp vụ ứng phó trong các tình huống khẩn cấp;
- Nghiệp vụ sơ, cấp cứu;
- Nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy (bao gồm tài xế điều khiển phương tiện xe PCCC, xe ô tô cơ giới khác);
- Canh gác cơ giới, võ thuật, sử dụng trang thiết bị bảo vệ thành thực.

Điều 2. THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 21/02/2025 đến hết ngày 31/12/2025.
2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn theo yêu cầu của mỗi Bên. Trong trường hợp này, Bên đề nghị chấm dứt Hợp đồng phải gửi bằng văn bản thông báo cho Bên kia trước 15 (mười lăm) ngày. Theo đó, hai Bên sẽ lập Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Điều 3. PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

1. Phí dịch vụ:

- Bên A thanh toán phí dịch vụ bảo vệ hàng tháng cho Bên B với số tiền là: **37.900.000 VND/04 người/tháng** (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, chín trăm ngàn đồng/04 người/tháng).

- Mức phí trên đã bao gồm thuế GTGT.

- Phí dịch vụ được tính từ ngày 01 đến ngày cuối tháng dương lịch. Nếu phí dịch vụ không tròn tháng thì được tính tương ứng với số ngày thực tế của tháng đó theo công thức: **Phí dịch vụ/30 ngày x số ngày thực tế** (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ).

- **Điều chỉnh thuế suất:** Tại thời điểm xuất hoá đơn, thanh toán các bên thống nhất lại thuế suất theo các quy định hiện hành.

2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

- Vào ngày 25 đến ngày cuối tháng Bên B sẽ tổng hợp lại chi phí dịch vụ của tháng đó, xuất hóa đơn tài chính hợp pháp cho Bên A. Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ.

- Nếu quá 60 ngày mà Bên A vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết mà không được sự đồng ý của Bên B thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Đồng thời Bên A phải chịu tính lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay quá hạn (kỳ hạn 6 tháng đối với tổ chức) theo quy định của Ngân hàng mà Bên B có tài khoản giao dịch công bố tại thời điểm thanh toán kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 4. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A.

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B và các nhân viên bảo vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

2. Bên A thừa nhận rằng Hợp đồng này chỉ nhằm thực hiện cung cấp dịch vụ bảo vệ và không phải là một Hợp đồng Bảo hiểm.

3. Bên A cam kết không tuyển dụng bất kỳ nhân viên bảo vệ nào của Bên B sang

làm việc cho Bên A trong khi hai Bên chưa chấm dứt Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ.

4. Cung cấp bằng văn bản cho Bên B biết các quy định có liên quan đến việc thực hiện dịch vụ bảo vệ của Bên B và trong quá trình thực hiện, nếu có bổ sung các văn bản và quy định có liên quan thì phải thông báo cho Bên B biết.

5. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại vật chất và thương tích thân thể xảy ra đối với nhân viên của Bên B trong trường hợp Bên A yêu cầu thực hiện một hay nhiều công việc nằm ngoài phạm vi trách nhiệm bảo vệ mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B (Bên A được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp nhân viên của Bên B bị tai nạn hoặc thương tích do tự ý thực hiện các công việc ngoài phạm vi trách nhiệm đã được hai bên thống nhất bằng văn bản).

6. Chỉ định người và bộ phận chuyên trách theo dõi giám sát chất lượng phục vụ công tác Bảo vệ an ninh của Bên B như thái độ, hành vi, tác phong của nhân viên Bảo vệ tại mục tiêu. Giám sát việc thực hiện dịch vụ bảo vệ của Bên B theo kế hoạch đã thống nhất giữa hai Bên.

7. Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại nếu lỗi gây ra thiệt hại đó hoàn toàn thuộc về lực lượng bảo vệ của Bên B hoặc có quyền yêu cầu Bên B liên đới chịu trách nhiệm về những thiệt hại gây ra do lỗi của lực lượng bảo vệ Bên B theo những quy định của Hợp đồng này. Giá trị bồi thường sẽ được trừ vào tiền thanh toán từng tháng của Hợp đồng.

8. Có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ một hoặc nhiều nhân viên bảo vệ của Bên B khi xét thấy nhân viên đó thực sự không thích hợp để làm nhiệm vụ.

9. Thực hiện việc thanh toán theo đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

Điều 5. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B.

1. Quyền hạn của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ và kịp thời những yêu cầu hợp lý nhằm đảm bảo an toàn tối thiểu khi phát hiện nguy cơ gây thiệt hại cho Bên A.

b) Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

c) Nhân viên bảo vệ của Bên B có quyền theo dõi và tạm giữ lại những người mà nhân viên bảo vệ của Bên B có lý do nghi ngờ họ có hành vi xâm phạm tài sản, quấy rối an ninh trật tự, hành động tấn công, hành động phạm pháp trong địa bàn do Bên B bảo vệ. Những người có biểu hiện cất giấu, trộm cắp tài sản ra khỏi khu vực của Bên A.

d) Nhân viên bảo vệ của Bên B được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để ngăn chặn các hành vi vi phạm nội quy do Bên A ban hành, vi phạm pháp luật, sự cố kỹ thuật về cháy, nổ, chập điện,...

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Trong phạm vi Hợp đồng này, Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Trong vòng 48 giờ kể từ trước khi bố trí hoặc thay đổi nhân viên bảo vệ phải cung cấp danh sách và lý lịch của nhân viên bảo vệ làm việc tại hiện trường cho Bên A. Cung cấp cho Bên A dịch vụ đạt chất lượng theo đúng thỏa thuận. Sau mỗi ca trực nhân

viên phải báo cáo lại tình hình vào sổ trực và các biểu mẫu theo quy định.

- Thay thế nhân viên bảo vệ nếu Bên A yêu cầu và được Bên B xác nhận là hợp lý trong vòng 24 giờ.

- Trang bị đồng phục theo quy định và các trang thiết bị bảo vệ cần thiết cho nhân viên bảo vệ của Bên B như: Gậy cao su, máy bộ đàm, đèn pin, sổ nhật ký ca trực, sổ theo dõi hàng hóa, sổ ghi chép khách và nhân viên ra vào Công ty.

- Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Bên A biết các thông tin có liên quan đến tình hình an ninh tại khu vực của Bên A.

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản khi để xảy ra mất mát hoặc hư hỏng tài sản thuộc phạm vi trách nhiệm bảo vệ và do lỗi hoàn toàn thuộc về lực lượng bảo vệ của Bên B. Trường hợp tài sản bị mất mát hoặc hư hỏng không phải hoàn toàn do lỗi thuộc về bảo vệ của Bên B gây ra nhưng có liên quan tới một phần trách nhiệm, thì Bên A và Bên B xem xét một cách thực tế, khách quan và Bên B phải bồi thường một tỉ lệ hợp lý theo thỏa thuận của hai Bên.

a) Trong quá trình thực hiện công việc trong Hợp đồng này, các nhân viên bảo vệ của Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo an toàn và trật tự trong khu vực được bảo vệ. Giám sát tình hình an ninh trật tự trong khu vực được giao. Phối hợp và hỗ trợ Bên A xử lý các trường hợp vi phạm quy định, quy chế làm việc có quan hệ đến an ninh và văn hóa giao tiếp của mục tiêu.

- Thực hiện các hành vi hợp pháp thích ứng chống lại bất cứ một sự xáo trộn hay xâm phạm tài sản hiện diện nào, sự lạm dụng hay hành động phá rối và kịp thời trình báo cho Bên A biết điều này.

- Trường hợp có tai nạn hoặc những sự việc bất thường xảy ra hoặc sau khi tạm giữ người vi phạm, nhân viên bảo vệ có trách nhiệm thông báo ngay sự việc cho người đại diện Bên A, Bên B và Công an địa phương hoặc cơ quan thẩm quyền để xử lý.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và nội quy, quy chế của Bên A.

- Tôn trọng các nhân viên và khách của Bên A đến làm việc, giao dịch trong khu vực của Bên A. Bên B phải đối xử hòa nhã với tất cả các nhân viên và những người khách vào mục tiêu, các hành động bảo vệ an ninh sẽ được thực hiện và chỉ sử dụng có mức độ vũ lực nếu xét thấy xác đáng, đúng qui định của pháp luật và nội qui của Bên A. Bên B sẽ cố gắng tối đa để duy trì quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương xung quanh mục tiêu. Trong mọi trường hợp Bên B sẽ luôn thể hiện tính chuyên nghiệp của mình.

- Hoàn tất các biên bản giao ca hàng ngày, ghi chép đầy đủ tình hình ca trực và việc theo dõi xuất nhập hàng hóa trình cho Bên A xem xét khi có yêu cầu.

b) Nghiêm cấm nhân viên bảo vệ của Bên B có các hành vi sau:

- Gây trở ngại cho nhân viên của Bên A làm việc tại khu vực của Bên A.

- Có lời nói, hành vi, thái độ thiếu văn hóa, cư xử thô bạo vượt quá phạm vi chính đáng.

- Trộm cắp, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ gây thiệt hại về tài sản cho

Bên A.

- Ngủ, đánh bạc, uống rượu, bia và mua bán sử dụng các chất kích thích mà pháp luật cấm trong khi làm nhiệm vụ.

- Vi phạm nội quy, quy chế của Bên A và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

1. Quy trình bồi thường thiệt hại:

- Khi phát sinh thiệt hại, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B về sự việc này. Chậm nhất trong 24 giờ kể từ khi thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử người có trách nhiệm để cùng Bên A tiến hành xác định lỗi gây ra thiệt hại, trách nhiệm, mức độ thiệt hại và phương thức bồi thường căn cứ vào biên bản xác nhận thiệt hại, mất mát của Bên A với nhân viên bảo vệ của Bên B.

- Trường hợp hai Bên không thống nhất được về lỗi, mức thiệt hại, phương thức bồi thường thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi hai Bên không thống nhất với nhau (có biên bản và xác nhận của Đại diện hai Bên), một trong hai Bên có quyền yêu cầu cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành điều tra. Kết luận điều tra của cơ quan Công an là căn cứ để Bên B bồi thường. Trong trường hợp Bên B vẫn không đồng ý thì vụ việc sẽ được chuyển lên Tòa án có thẩm quyền, quyết định/bản án của Tòa án là căn cứ ràng buộc trách nhiệm bồi thường của Bên B.

- Việc bồi thường được tính theo thực tế thiệt hại xảy ra dựa trên chứng từ kế toán hoặc theo giá thị trường của tài sản tương tự tại thời điểm có thiệt hại xảy ra.

2. Điều kiện bồi thường:

Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại nêu trên khi và chỉ khi có các điều kiện dưới đây được thiết lập:

- Những thiệt hại đó là hậu quả trực tiếp và tất yếu của việc Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm của Bên B quy định trong Hợp đồng này.

- Tài sản bị mất nằm trong phạm vi bảo vệ đã được bàn giao giữa hai Bên thông qua biên bản bàn giao có xác nhận hai Bên. Bên B không chịu trách nhiệm trước Bên A về tất cả các thiệt hại, mất mát và tổn thất về tài sản của Bên A nếu những thiệt hại, mất mát và tổn thất đó xảy ra ngoài phạm vi bảo vệ đã bàn giao cho Bên B trong Biên bản bàn giao.

- Khi xảy ra thiệt hại, Bên A cung cấp đầy đủ cho Bên B các tài liệu gốc có liên quan để xác định số lượng, giá trị của các tài sản bị mất (căn cứ trên chứng từ kế toán hợp pháp nằm trong hệ thống tài chính kế toán của Bên A tại Việt Nam). Trường hợp tài sản bị thiệt hại không thể xác định dựa trên chứng từ kế toán, việc xác định giá trị tài sản này sẽ dựa trên giá trị thực tế của tài sản tương tự.

3. Miễn trừ trách nhiệm bồi thường:

- Nhân viên bảo vệ của Bên B sẽ cố gắng để thực thi những nhiệm vụ được quy định tại bản Hợp đồng này theo trách nhiệm cao nhất. Tuy nhiên Bên B sẽ được miễn trừ một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp sau:

□ Mọi thiệt hại xảy ra do tình trạng bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn

các trường hợp do: Thiên tai, sấm sét, lụt lội, giông bão, hiện tượng thời tiết hoặc các sự cố bất thường khác như hỏa hoạn, sốc điện, chập điện hoặc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chiến tranh, bạo động, đình công...

Thiệt hại, mất mát, hư hỏng gây ra bởi sự gian lận, các hành vi làm thiệt hại có chủ ý của Bên A.

- Bên B sẽ không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mất mát và tổn thất về hàng hóa, tài sản của Bên A nếu sau khi Bên B đã có kiến nghị với Bên A quá 02 lần bằng văn bản về việc Bên A cần thực hiện các biện pháp quản lý, đề phòng, ngăn ngừa tổn thất, mất mát về tài sản của Bên A và nhân viên của Bên A nhưng Bên A không xem xét thực hiện những kiến nghị đó.

- Bên B sẽ không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mất mát và tổn thất về hàng hóa, tài sản của Bên A nếu hai Bên không tiến hành xác lập biên bản bàn giao tài sản - hàng hóa và khi Bên A báo mất tài sản - hàng hóa mà Bên B chứng minh được Bên B đã thực hiện đúng công tác bảo vệ, trong khu vực mà Bên B bảo vệ không có dấu hiệu đột nhập hoặc thoát ra Bên ngoài tường rào, cổng chính.

- Bên B không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những mất mát thuộc về tài sản cá nhân trong trường hợp nhân viên bảo vệ không có nghĩa vụ phải giám sát những cá nhân đó.

Điều 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B hoặc nhân viên Bên B thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại hoặc làm đình trệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên A.

2. Bên B có quyền tạm dừng thực hiện hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng này nếu Bên A nợ phí dịch vụ từ 02 (hai) tháng trở lên không thanh toán mà Bên B đã thực hiện đầy đủ và chuyển hoá đơn hợp pháp cho Bên A.

3. Bên B có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng nếu Bên A không thực hiện đầy đủ, không kịp thời sau khi Bên B đã thông báo bằng văn bản đề nghị hợp lý liên quan đến công tác nhằm đảm bảo các yêu cầu thiết yếu cho công tác bảo vệ, an toàn cho tài sản của Bên A.

4. Nếu một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không thông báo trước hoặc không do lỗi của Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải chịu một khoản tiền phạt tương đương giá trị một tháng Hợp đồng của tháng trước liền kề.

5. Phí dịch vụ bảo vệ, lãi chậm thanh toán và các chi phí khác (nếu có) phải được thanh toán đầy đủ tính đến thời điểm có sự kiện chấm dứt Hợp đồng xảy ra.

Điều 8. THÔNG BÁO

Tất cả những vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được chuyển trực tiếp, email, fax hoặc thư bảo đảm theo đường bưu điện về địa chỉ của hai Bên, trường hợp khẩn cấp có thể liên hệ trực tiếp hoặc qua điện thoại với đại diện các Bên theo danh sách đính kèm.

Điều 9. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC



1. Việc sửa đổi hoặc hủy bỏ bất kỳ điều khoản nào, một hoặc nhiều quyền hạn, nghĩa vụ của Bên nào hoặc cả hai Bên được quy định trong Hợp đồng này phải được thực hiện bằng văn bản và được hai Bên xác nhận bởi người đại diện hợp pháp của cả hai Bên.

2. Nếu phát sinh về thay đổi số lượng nhân viên bảo vệ tại mục tiêu thì giữa hai Bên sẽ điều chỉnh bằng Phụ lục Hợp đồng.

3. Khi chưa có sự đồng ý của Bên còn lại, không Bên nào được chuyển nhượng trách nhiệm và quyền lợi của mình cho bất kỳ Bên thứ ba nào.

4. Hai Bên cam kết không tiết lộ về bất cứ công nghệ, kỹ thuật, giá cả hoặc những thông tin bí mật, tài sản của Bên kia cho bất kỳ Bên thứ 3 nào biết dưới mọi hình thức.

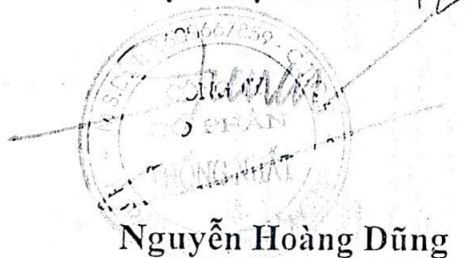
5. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được các Bên cùng bàn bạc và giải quyết trên tinh thần hợp tác và đôi Bên cùng có lợi, trên cơ sở các nội dung được quy định tại Hợp đồng này. Trường hợp các Bên không thể thương lượng và thống nhất được cách giải quyết thì các Bên thống nhất vụ việc sẽ được chuyển đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Tất cả các chi phí liên quan đến việc giải quyết vụ kiện (bao gồm cả các chi phí dịch vụ pháp lý, thuê mướn luật sư) sẽ do Bên thua kiện chịu.

6. Tất cả các quy định trong Hợp đồng này phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Trường hợp có bất cứ điều khoản, quy định nào của Hợp đồng này không phù hợp sẽ áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết.

7. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 02 Bên ký kết.

8. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có cùng nội dung và hình thức. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Hoàng Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Tuấn Triệu

BẢNG TỔNG HỢP NHÂN SỰ VÀ GIÁ CHÀO

1. Về nhân sự:

Stt	Vị trí	Số lượng bảo vệ	Ghi chú
1	Tuần tra xử lý tình hình ANTT, ATGT địa bàn KCN Bàu Xéo	03	Trực ca 24/24h (03 ca)
2	Quản lý (Ca hành chính từ 7h đến 17h)	01	Trực ca hành chính
Tổng cộng		04 người	

2. Về giá chào:

Stt	Vị trí	Số lượng bảo vệ	Đơn giá	Đơn giá điều chỉnh theo thời gian	Thành tiền	Ghi chú
1	Tuần tra xử lý tình hình ANTT, ATGT địa bàn KCN Bàu Xéo	3	8.454.545	8.454.545	25.363.636	Trực 24/24 (3 ca)
2	Quản lý	1	9.090.909	9.090.909	9.090.909	Trực ca hành chính
I	Cộng	04			34.454.545	
II	Thuế VAT				3.445.455	
III	Tổng cộng	04 người			37.900.000	

GIÁM ĐỐC



Trần Tuấn Triệu

Số: 51 /CPTN-ĐTKD

“V/v báo cáo nội dung “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo” của Công ty cổ phần Thống Nhất đã được cập nhật, bổ sung”

Trảng Bom, ngày 18 tháng 3 năm 2025

- Kính gửi:
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.
 - Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Trảng Bom.
 - Ủy ban Nhân dân xã Sông Trầu.
 - Ủy ban Nhân dân xã Đồi 61.
 - Ủy ban Nhân dân xã Tây Hòa.

Năm 2025, lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của Công ty cổ phần Thống Nhất tại KCN Bàu Xéo có thay đổi về nhân sự và hiện trạng đầu nổi, xử lý nước thải của các doanh nghiệp cũng có sự thay đổi, cụ thể:

- Thay đổi toàn bộ nhân sự thực hiện công tác PCCC trước đây bằng lực lượng của Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ chuyên nghiệp Tín Nghĩa.
- Thay đổi nhân sự trong Tổ Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất Trạm xử lý nước thải tập KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất.
- Cập nhật hiện trạng đầu nổi nước thải của Công ty TNHH Pousung Việt Nam và Công ty TNHH Shing Mark Vina vào sơ đồ mạng lưới thu gom, xử lý nước thải KCN Bàu Xéo.

Với các thay đổi như đã nêu, Công ty cổ phần Thống Nhất đã hoàn thiện việc cập nhật, bổ sung vào “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo”. Bản “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo” này thay thế bản “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo” đã được ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-CPTN ngày 10/7/2024 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thống Nhất. Công ty cổ phần Thống Nhất xin gửi đến Quý cấp, ngành chức năng bản kế hoạch đã được cập nhật, bổ sung nội dung.

(Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất đã được cập nhật, bổ sung nội dung gửi kèm văn bản này)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc Cty;
- Lưu VT, P.ĐTKD.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ. TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Hữu Trung

Số: 62/QĐ-CPTN

Trảng Bom, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

“V/v thay đổi nhân sự Tổ Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất”

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ điểm 3, Mục B, Phụ lục 3 tại Giấy phép môi trường số 509/GPMT-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần Thống Nhất được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Xéo;
- Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Căn cứ thực trạng nhân sự của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Căn cứ vào Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất;
- Theo đề nghị của Phòng Đầu tư- Kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thay đổi nhân sự của Tổ Phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất tại Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo gồm các thành viên có tên sau đây:

1. Ông: Phạm Văn Cường, phụ trách Trạm xử lý nước thải, chức danh tổ trưởng.
2. Ông: Nguyễn Diên Quyết, nhân viên Trạm xử lý nước thải, chức danh thành viên.
3. Ông: Vũ Cao Triết, nhân viên Trạm xử lý nước thải, chức danh thành viên.
4. Ông: Nguyễn Thành Danh, nhân viên Trạm xử lý nước thải, chức danh thành viên.
5. Ông: Nguyễn Thanh Sang, nhân viên Trạm xử lý nước thải, chức danh thành viên.

Điều 2: Các Ông có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện các công việc được quy định tại Điều 2, Quyết định số 58/2016/QĐ-CPTN của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thống Nhất ban hành ngày 07/10/2016 v/v thành lập Tổ Phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất tại Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo.

Điều 3: Các ông có tên tại Điều 1, Phòng Đầu tư- Kinh doanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tổng Giám đốc C.ty;
- Lưu VT/CPTN.



QUYẾT ĐỊNH

“V/v Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất”

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 509/GPMT-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần Thống Nhất được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Bàu Xéo;
- Căn cứ vào hiện trạng hoạt động tại KCN Bàu Xéo;
- Căn cứ vào Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo của Công ty cổ phần Thống Nhất đã được cập nhật, bổ sung nội dung;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là bản “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo” đã được Công ty cổ phần Thống Nhất cập nhật, bổ sung nội dung.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bản “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Khu công nghiệp Bàu Xéo” ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-CPTN ngày 10/7/2024 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thống Nhất được bãi bỏ.

Điều 3: Phòng Đầu tư- Kinh doanh, Phòng Kế toán – tổng hợp phối hợp với Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ chuyên nghiệp Tín Nghĩa thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại KCN Bàu Xéo đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Tổng Giám đốc C.ty;
- Lưu: VT, ĐTKD;



Nguyễn Hoàng Dũng